BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 16/2016/TT-BKHĐT	*Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2016*

THÔNG TƯ
Hướng dẫn lập hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 116/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý đấu thầu, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư hướng dẫn lập hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn việc lập hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu đối với dự án đầu tư có sử dụng đất thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Khoản 3 Điều 1 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 và Điểm b, Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP như sau:

1. Mẫu hồ sơ mời sơ tuyển lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất (Mẫu số 01) áp dụng đối với dự án đầu tư có sử dụng đất tổ chức sơ tuyển lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.

2. Mẫu hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất (Mẫu số 02) áp dụng cho dự án đầu tư có sử dụng đất đã thực hiện quá trình sơ tuyển.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 Thông tư này.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng mẫu hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất

1. Căn cứ quy mô, tính chất, lĩnh vực của từng dự án cụ thể, người có thẩm quyền có thể bổ sung các yêu cầu phù hợp trên cơ sở bảo đảm nguyên tắc cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu; đảm bảo không trái với quy định của pháp luật về đấu thầu; không được áp dụng các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà đầu tư hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà đầu tư gây ra cạnh tranh không bình đẳng.

2. Đối với dự án không thực hiện sơ tuyển theo quy định tại Điều 16 và Khoản 2 Điều 87 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP, hồ sơ mời thầu được lập trên cơ sở chỉnh sửa Mẫu số 02, có bổ sung các nội dung yêu cầu và đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư được quy định tại Mẫu số 01.

3. Đối với dự án áp dụng hình thức chỉ định thầu theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP, hồ sơ yêu cầu được lập trên cơ sở vận dụng Mẫu số 02, không bao gồm nội dung về tiêu chuẩn đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư và việc so sánh, xếp hạng nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về tài chính - thương mại nhưng cần quy định nội dung yêu cầu nhà đầu tư cập nhật thông tin về năng lực, kinh nghiệm.

4. Đối với dự án áp dụng hình thức chỉ định thầu theo quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP, hồ sơ yêu cầu được lập trên cơ sở chỉnh sửa Mẫu số 02, có bổ sung các nội dung yêu cầu và đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư được quy định tại Mẫu số 01.

5. Trong các Mẫu ban hành kèm Thông tư này, những chữ in nghiêng là nội dung mang tính hướng dẫn, minh họa và sẽ được người sử dụng cụ thể hóa căn cứ quy mô, tính chất, lĩnh vực của từng dự án.

Điều 4. Hợp đồng

Căn cứ tính chất, quy mô, lĩnh vực của từng dự án cụ thể, bên mời thầu xây dựng dự thảo hợp đồng theo hướng dẫn tại Thông tư này và đính kèm trong hồ sơ mời thầu, trong đó quy định chi tiết các điều, khoản của hợp đồng để các bên đàm phán sơ bộ, thương thảo, hoàn thiện, ký kết và thực hiện hợp đồng.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2017. Thông tư này thay thế Thông tư số 03/2009/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp và tổ chức, cá nhân có liên quan gửi ý kiến về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để kịp thời hướng dẫn./.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Chí Dũng

MẪU
HỒ SƠ MỜI SƠ TUYỂN
LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT
(Mẫu số 01)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2016/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lập hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất)

HỒ SƠ MỜI SƠ TUYỂN

Tên dự án: _____

[ghi tên dự án]

Phát hành ngày: _____

[ghi ngày bắt đầu phát hành hồ sơ mời sơ tuyển cho nhà đầu tư]

Ban hành kèm theo Quyết định: _____

[ghi số và ngày phát hành quyết định phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển]

Tư vấn lập hồ sơ mời sơ tuyển (nếu có)	**Bên mời thầu**
[ghi tên, ký tên, đóng dấu (nếu có)]	*[ghi tên, ký tên, đóng dấu]*

MÔ TẢ TÓM TẮT

PHẦN 1. THỦ TỤC SƠ TUYỂN

Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ dự sơ tuyển. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp hồ sơ dự sơ tuyển, mở thầu, đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển và lựa chọn nhà đầu tư vào danh sách ngắn.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng dự án.

Chương III. Quy trình và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển

Chương này bao gồm quy trình và tiêu chuẩn để đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển.

Chương IV. Biểu mẫu dự sơ tuyển

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà nhà đầu tư sẽ phải hoàn chỉnh để tạo thành một phần nội dung của hồ sơ dự sơ tuyển.

PHẦN 2. MÔ TẢ DỰ ÁN

Phần này cung cấp các thông tin của dự án để nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ dự sơ tuyển.

PHỤ LỤC. PHƯƠNG ÁN SƠ BỘ BỒI THƯỜNG, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

BDL	Bảng dữ liệu đấu thầu
CDNĐT	Chỉ dẫn nhà đầu tư
HSDST	Hồ sơ dự sơ tuyển
HSDT	Hồ sơ dự thầu
HSMST	Hồ sơ mời sơ tuyển
HSMT	Hồ sơ mời thầu
Luật Đấu thầu	Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13
Nghị định 30/2015/NĐ-CP	Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư

PHẦN 1. THỦ TỤC SƠ TUYỂN

CHƯƠNG I. CHỈ DẪN NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nội dung sơ tuyển	1.1. Bên mời thầu với tên và địa chỉ quy định tại **BDL** mời nhà đầu tư quan tâm nộp HSDST đối với dự án được mô tả trong Phần 2 – Mô tả dự án. 1.2. Sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án, giá sàn được quy định tại **BDL**. 1.3. Yêu cầu về vốn chủ sở hữu và vốn vay của nhà đầu tư được quy định tại **BDL**. 1.4. Các thông tin cơ bản về dự án được nêu tại **BDL**.
2. Hành vi bị cấm	2.1. Đưa, nhận, môi giới, hối lộ. 2.2. Lợi dụng chức vụ quyền hạn để can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động đấu thầu. 2.3. Thông thầu, bao gồm các hành vi sau đây: a) Thỏa thuận về việc rút khỏi việc dự thầu hoặc rút đơn dự thầu được nộp trước đó để một hoặc các bên tham gia thỏa thuận thắng thầu; b) Thỏa thuận để một hoặc nhiều bên chuẩn bị HSDST, HSDT cho các bên tham dự thầu để một bên thắng thầu. 2.4. Gian lận, bao gồm các hành vi sau đây: a) Trình bày sai một cách cố ý hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu của một bên trong đấu thầu nhằm thu được lợi ích tài chính hoặc lợi ích khác hoặc nhằm trốn tránh bất kỳ một nghĩa vụ nào; b) Cá nhân trực tiếp đánh giá HSDST, HSDT, thẩm định kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà đầu tư cố ý báo cáo sai hoặc cung cấp thông tin không trung thực làm sai lệch kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà đầu tư; c) Nhà đầu tư cố ý cung cấp các thông tin không trung thực trong HSDST, HSDT làm sai lệch kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà đầu tư. 2.5. Cản trở, bao gồm các hành vi sau đây: a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa, quấy rối hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng đối với

	cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; b) Các hành vi cản trở đối với nhà đầu tư, cơ quan có thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán. 2.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây: a) Tham dự thầu với tư cách là nhà đầu tư đối với dự án do mình làm Bên mời thầu hoặc thực hiện các nhiệm vụ của Bên mời thầu; b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định HSMST, HSMT đối với dự án này; c) Tham gia đánh giá HSDST, HSDT đồng thời tham gia thẩm định kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án này; d) Là cá nhân thuộc Bên mời thầu nhưng trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà đầu tư hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà đầu tư hoặc là người đứng đầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Bên mời thầu đối với dự án do cha mẹ đẻ, cha mẹ vợ hoặc cha mẹ chồng, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh chị em ruột đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư tham dự thầu; đ) Áp dụng hình thức lựa chọn nhà đầu tư không phải là hình thức đấu thầu rộng rãi khi không đủ điều kiện theo quy định của Luật Đấu thầu. 2.7. Tiết lộ, tiếp nhận những tài liệu, thông tin sau đây về quá trình lựa chọn nhà đầu tư, trừ trường hợp quy định tại điểm e Khoản 8 Điều 73, điểm l Khoản 3 Điều 75, Khoản 7 Điều 76, Khoản 7 Điều 78 và điểm d Khoản 4 Điều 92 của Luật Đấu thầu: a) Nội dung HSMST, HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định; b) Nội dung HSDST, HSDT, sổ tay ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng HSDST, HSDT trước khi công khai kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà đầu tư; c) Nội dung yêu cầu làm rõ HSDST, HSDT của Bên

	mời thầu và trả lời của nhà đầu tư trong quá trình đánh giá HSDST, HSDT trước khi công khai kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà đầu tư; d) Báo cáo của Bên mời thầu, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư trước khi công khai kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà đầu tư; đ) Kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà đầu tư trước khi được công khai theo quy định; e) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư được đóng dấu bảo mật theo quy định của pháp luật.
3. Tư cách hợp lệ của nhà đầu tư	Nhà đầu tư độc lập hoặc từng thành viên trong liên danh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: 3.1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà đầu tư đang hoạt động cấp. 3.2. Hạch toán tài chính độc lập. 3.3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật. 3.4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại **BDL**. 3.5. Đã đăng ký trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. 3.6. Không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu. 3.7. Không vi phạm quy định của pháp luật về đất đai đối với trường hợp đang sử dụng đất do Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án theo quy định tại **BDL.**
4. Nội dung HSMST	4.1. HSMST gồm có Phần 1, Phần 2, Phụ lục và các tài liệu sửa đổi HSMST (nếu có) theo quy định tại Mục 7 CDNĐT, trong đó cụ thể bao gồm các nội dung sau đây: **Phần 1. Thủ tục sơ tuyển** - Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

	- Chương III. Quy trình và tiêu chuẩn đánh giá HSDST - Chương IV. Biểu mẫu dự sơ tuyển **Phần 2. Mô tả dự án** **Phụ lục: Phương án sơ bộ bồi thường giải phóng mặt bằng** 4.2. Thông báo mời sơ tuyển do Bên mời thầu phát hành hoặc cung cấp chỉ có tính chất thông báo, không phải là một phần của HSMST. 4.3. Bên mời thầu không chịu trách nhiệm về tính không chính xác, không hoàn chỉnh của HSMST, tài liệu giải thích làm rõ HSMST, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) hoặc các tài liệu sửa đổi của HSMST theo quy định tại Mục 7 CDNĐT mà không do Bên mời thầu cung cấp. 4.4. Nhà đầu tư phải nghiên cứu tất cả thông tin chỉ dẫn, BDL, biểu mẫu, mô tả dự án và các yêu cầu khác trong HSMST để chuẩn bị HSDST.
5. Làm rõ HSMST, hội nghị tiền đấu thầu	5.1. Trong trường hợp cần làm rõ HSMST, nhà đầu tư phải gửi văn bản đề nghị làm rõ tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 16 CDNĐT đến Bên mời thầu theo địa chỉ tại Mục 1.1 CDNĐT hoặc đặt câu hỏi trong hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) theo quy định tại Mục 5.2 CDNĐT. Khi Bên mời thầu nhận được đề nghị làm rõ HSMST của bất kỳ nhà đầu tư nào, Bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời tất cả đề nghị làm rõ HSMST và gửi văn bản làm rõ HSMST cho nhà đầu tư có yêu cầu làm rõ HSMST và tất cả nhà đầu tư khác đã nhận HSMST từ Bên mời thầu, trong đó có mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà đầu tư đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSMST thì Bên mời thầu phải tiến hành sửa đổi HSMST theo thủ tục quy định tại Mục 7 CDNĐT. 5.2. Trong trường hợp cần thiết, Bên mời thầu tổ chức hội nghị tiền đấu thầu theo quy định tại **BDL**. Mục đích của hội nghị là giải thích, làm rõ các vấn đề và trả lời các câu hỏi mà nhà đầu tư thấy chưa rõ liên quan đến nội dung HSMST. Để tạo điều kiện thuận lợi cho Bên

	mời thầu trả lời yêu cầu làm rõ HSMST, nhà đầu tư nên gửi yêu cầu làm rõ đến Bên mời thầu trước ngày tổ chức hội nghị tiền đấu thầu. Nội dung trao đổi tại hội nghị tiền đấu thầu sẽ được Bên mời thầu ghi lại thành biên bản, trong đó nêu rõ câu hỏi của nhà đầu tư và câu trả lời của Bên mời thầu nhưng không nêu tên nhà đầu tư có câu hỏi. Các nội dung làm rõ được lập thành văn bản làm rõ HSMST và gửi đến tất cả các nhà đầu tư đã nhận HSMST từ Bên mời thầu. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi HSMST. Việc không tham gia hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại nhà đầu tư. Trường hợp HSMST cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Bên mời thầu sẽ phát hành văn bản sửa đổi HSMST theo quy định tại Mục 7 CDNĐT.
6. Khảo sát hiện trường	6.1. Nhà đầu tư và các đối tác của nhà đầu tư (nếu có) được tiếp cận, khảo sát hiện trường dự án với điều kiện nhà đầu tư và các đối tác của nhà đầu tư cam kết rằng Bên mời thầu không phải chịu bất kì trách nhiệm nào đối với nhà đầu tư và các đối tác của nhà đầu tư trong việc khảo sát hiện trường này. Nhà đầu tư và các đối tác của nhà đầu tư sẽ tự chịu trách nhiệm cho những rủi ro của mình như tai nạn, mất mát hoặc thiệt hại tài sản và bất kỳ chi phí nào khác phát sinh từ việc khảo sát hiện trường. Trong trường hợp cần thiết, Bên mời thầu sẽ tổ chức, hướng dẫn nhà đầu tư đi khảo sát hiện trường theo quy định tại **BDL**. 6.2. Nhà đầu tư cần thông báo trước cho Bên mời thầu về việc đề xuất tổ chức khảo sát hiện trường dự án.
7. Sửa đổi HSMST	7.1. Việc sửa đổi HSMST được thực hiện trước thời điểm đóng thầu thông qua việc phát hành văn bản sửa đổi HSMST. Văn bản sửa đổi HSMST, bao gồm cả quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi, được coi là một phần của HSMST. 7.2. Văn bản sửa đổi HSMST được gửi (trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc email) đến tất cả nhà đầu tư nhận HSMST từ Bên mời thầu. 7.3. Thời gian gửi văn bản sửa đổi HSMST đến các nhà đầu tư đã nhận HSMST từ Bên mời thầu thực hiện theo

	quy định tại **BDL**. Nhằm giúp các nhà đầu tư có đủ thời gian để sửa đổi HSDST, Bên mời thầu có thể quyết định gia hạn thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 16.2 CDNĐT. Nhà đầu tư phải thông báo bằng văn bản cho Bên mời thầu về việc đã nhận được các tài liệu sửa đổi HSMST theo một trong những cách sau: gửi trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.
8. Chi phí dự sơ tuyển	Nhà đầu tư phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc chuẩn bị và nộp HSDST. Trong mọi trường hợp, Bên mời thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự sơ tuyển của nhà đầu tư.
9. Ngôn ngữ của HSDST	HSDST cũng như tất cả các thư từ và tài liệu liên quan đến HSDST trao đổi giữa nhà đầu tư với Bên mời thầu được viết bằng ngôn ngữ quy định tại **BDL**.
10. Thành phần của HSDST	HSDST phải bao gồm các thành phần sau đây: 10.1. Đơn dự sơ tuyển theo quy định tại Mục 11 CDNĐT; 10.2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự sơ tuyển theo quy định tại Mục 11 CDNĐT; 10.3. Giấy ủy quyền theo Mẫu PL 02 tại Chương IV – Biểu mẫu dự sơ tuyển (trong trường hợp cần thiết); 10.4. Thỏa thuận liên danh đối với trường hợp nhà đầu tư liên danh theo Mẫu số PL 03 tại Chương IV – Biểu mẫu dự sơ tuyển; 10.5. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư theo quy định tại Mục 12 CDNĐT; 10.6. Các nội dung khác theo quy định tại **BDL**.
11. Đơn dự sơ tuyển	11.1. Đối với nhà đầu tư độc lập, đơn dự sơ tuyển phải được chuẩn bị theo Mẫu PL 01 tại Chương IV – Biểu mẫu dự sơ tuyển, được ký tên và đóng dấu (nếu có) bởi đại diện hợp pháp của nhà đầu tư (người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư hoặc người được ủy quyền; trường hợp ủy quyền, để chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền, nhà đầu tư cần gửi kèm theo giấy ủy quyền theo Mẫu PL 02 tại Chương IV – Biểu mẫu dự sơ tuyển hoặc bản chụp Điều lệ công ty, Quyết định

	thành lập chi nhánh hoặc các tài liệu khác chứng minh thẩm quyền của người được ủy quyền). 11.2. Đối với nhà đầu tư liên danh, đơn dự sơ tuyển phải được chuẩn bị theo Mẫu PL 01 tại Chương IV – Biểu mẫu dự sơ tuyển, do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên thay mặt liên danh theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). Đại diện hợp pháp của từng thành viên trong liên danh là người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền. Trường hợp ủy quyền, để chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền, thành viên trong liên danh cần gửi kèm theo giấy ủy quyền theo Mẫu PL 02 tại Chương IV – Biểu mẫu dự sơ tuyển hoặc bản chụp Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh hoặc các tài liệu khác chứng minh thẩm quyền của người được ủy quyền.
12. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư	12.1. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà đầu tư theo quy định tại **BDL**. 12.2. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư bao gồm: a) Năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư được kê khai theo các Mẫu tại Phần B Chương IV – Biểu mẫu dự sơ tuyển; b) Các tài liệu khác theo quy định tại **BDL**.
13. Thời gian có hiệu lực của HSDST	13.1. HSDST phải có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại **BDL**. HSDST nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá. 13.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDST, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà đầu tư gia hạn hiệu lực của HSDST. Nếu nhà đầu tư không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của HSDST thì HSDST của nhà đầu tư không được tiếp tục xem xét, đánh giá. Nhà đầu tư chấp nhận đề nghị gia hạn được phép cập nhật năng lực, kinh nghiệm của mình trong quá trình đánh giá HSDST. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn phải được thể hiện

	bằng văn bản.
14. Quy cách HSDST và chữ ký trong HSDST	14.1. Nhà đầu tư phải chuẩn bị HSDST bao gồm: 01 bản gốc HSDST và một số bản chụp HSDST theo số lượng quy định tại **BDL**. Trên trang bìa của các hồ sơ tương ứng phải ghi rõ "BẢN GỐC HSDST", "BẢN CHỤP HSDST". Trường hợp có sửa đổi, thay thế HSDST thì nhà đầu tư phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp với số lượng bằng số lượng bản chụp HSDST. Trên trang bìa của các hồ sơ tương ứng phải ghi rõ "BẢN GỐC HSDST SỬA ĐỔI", "BẢN CHỤP HSDST SỬA ĐỔI", "BẢN GỐC HSDST THAY THẾ", "BẢN CHỤP HSDST THAY THẾ". 14.2. Nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà đầu tư thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà đầu tư thì HSDST của nhà đầu tư bị loại. 14.3. Bản gốc của HSDST phải được đánh máy hoặc viết bằng mực không phai, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự sơ tuyển, các văn bản bổ sung, làm rõ HSDST (nếu có) và các biểu mẫu khác được lập theo quy định tại Chương IV – Biểu mẫu dự sơ tuyển phải được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư (đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền hợp pháp) ký tên và đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền phải có giấy ủy quyền theo Mẫu PL 02 Chương IV – Biểu mẫu dự sơ tuyển hoặc bản chụp Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh hoặc các tài liệu khác chứng minh thẩm quyền của người được ủy quyền và được nộp cùng với HSDST. 14.4. Trường hợp là nhà đầu tư liên danh thì HSDST phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện liên danh theo thỏa thuận liên danh. Văn bản thỏa thuận liên danh

	phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên trong liên danh. 14.5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự sơ tuyển.
15. Niêm phong và ghi bên ngoài HSDST	15.1. Túi đựng HSDST bao gồm bản gốc và các bản chụp HSDST, bên ngoài phải ghi rõ "HỒ SƠ DỰ SƠ TUYỂN". Trường hợp nhà đầu tư có sửa đổi, thay thế HSDST thì hồ sơ sửa đổi, thay thế (bao gồm bản gốc và các bản chụp) phải được đựng trong túi bên ngoài phải ghi rõ "HỒ SƠ DỰ SƠ TUYỂN SỬA ĐỔI", "HỒ SƠ DỰ SƠ TUYỂN THAY THẾ". Các túi đựng: HSDST, HSDST sửa đổi, HSDST thay thế phải được niêm phong. Cách niêm phong theo quy định riêng của nhà đầu tư. 15.2. Trên túi đựng hồ sơ phải ghi đầy đủ các thông tin: a) Tên và địa chỉ của nhà đầu tư; b) Tên người nhận là tên Bên mời thầu theo quy định tại Mục 1.1 CDNĐT; c) Tên dự án theo quy định tại Mục 1.4 CDNĐT; d) Dòng chữ cảnh báo: "không được mở trước thời điểm mở thầu". 15.3. Trong trường hợp HSDST gồm nhiều tài liệu, nhà đầu tư cần thực hiện việc đóng gói toàn bộ tài liệu sao cho việc tiếp nhận và bảo quản HSDST của Bên mời thầu được thuận tiện, đảm bảo sự toàn vẹn của HSDST, tránh thất lạc, mất mát. 15.4. Nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định của HSMST này như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDST trong quá trình chuyển đến Bên mời thầu, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSDST theo hướng dẫn quy định tại các Mục 15.1 và 15.2 CDNĐT. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSDST nếu nhà đầu tư không thực hiện

	đúng quy định nêu trên.
16. Thời điểm đóng thầu	16.1. Nhà đầu tư nộp trực tiếp hoặc gửi HSDST đến địa chỉ của Bên mời thầu theo quy định tại Mục 1.1 CDNĐT nhưng phải đảm bảo Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu quy định tại **BDL**. Bên mời thầu tiếp nhận HSDST của tất cả nhà đầu tư nộp HSDST trước thời điểm đóng thầu, kể cả trường hợp nhà đầu tư tham dự sơ tuyển chưa mua hoặc chưa nhận HSMST trực tiếp từ Bên mời thầu. Trường hợp chưa mua HSMST thì nhà đầu tư phải trả cho Bên mời thầu khoản tiền bằng giá bán HSMST theo quy định tại **BDL** trước khi HSDST được tiếp nhận. 16.2. Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu khi sửa đổi HSMST theo Mục 7 CDNĐT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Bên mời thầu và nhà đầu tư theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn. 16.3. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, Bên mời thầu sẽ thông báo bằng văn bản cho các nhà đầu tư đã nhận HSMST hoặc đã nộp HSDST (đồng thời đăng tải thông báo gia hạn thời điểm đóng thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo đấu thầu, bao gồm thông báo bằng tiếng Anh đối với đấu thầu quốc tế). Khi thông báo, Bên mời thầu sẽ ghi rõ thời điểm đóng thầu mới được gia hạn để nhà đầu tư có đủ thời gian sửa đổi hoặc bổ sung HSDST theo yêu cầu mới. Nhà đầu tư đã nộp HSDST có thể nhận lại HSDST của mình để sửa đổi, bổ sung. Trường hợp nhà đầu tư chưa nhận lại hoặc không nhận lại HSDST thì Bên mời thầu quản lý HSDST đó theo chế độ quản lý hồ sơ "mật".
17. HSDST nộp muộn	Bên mời thầu sẽ không xem xét bất kỳ HSDST nào được nộp sau thời điểm đóng thầu. Bất kỳ HSDST nào mà Bên mời thầu nhận được sau thời điểm đóng thầu sẽ bị tuyên bố là HSDST nộp muộn, bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà đầu tư.
18. Sửa đổi, thay thế và rút HSDST	18.1. Sau khi nộp HSDST, nhà đầu tư có thể sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDST bằng cách gửi văn bản đề nghị có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà đầu tư,

	trường hợp ủy quyền thì phải gửi kèm giấy ủy quyền theo Mẫu PL 02 Chương IV – Biểu mẫu dự sơ tuyển hoặc bản chụp Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh hoặc các tài liệu khác chứng minh thẩm quyền của người được ủy quyền và được nộp cùng với HSDST. 18.2. Hồ sơ sửa đổi hoặc thay thế HSDST phải được gửi kèm với văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế và phải bảo đảm các điều kiện sau: a) Được nhà đầu tư chuẩn bị và nộp cho Bên mời thầu theo quy định tại Mục 14 và Mục 15 CDNĐT, trên túi đựng văn bản đề nghị phải ghi rõ "SỬA ĐỔI HSDST" hoặc "THAY THẾ HSDST"; b) Được Bên mời thầu tiếp nhận trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 16 CDNĐT. 18.3. Văn bản đề nghị rút HSDST phải đảm bảo các điều kiện sau: a) Trên túi đựng văn bản phải ghi rõ "RÚT HSDST"; b) Được Bên mời thầu tiếp nhận trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 16 CDNĐT. HSDST mà nhà đầu tư yêu cầu rút sẽ được trả lại cho nhà đầu tư theo nguyên trạng. 18.4. Bên mời thầu chỉ chấp thuận việc sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDST của nhà đầu tư nếu nhận được văn bản đề nghị trước thời điểm đóng thầu.
19. Mở thầu	19.1. Ngoại trừ trường hợp HSDST nộp muộn theo quy định tại Mục 17 và HSDST mà nhà đầu tư yêu cầu rút theo quy định tại Mục 18.3 CDNĐT, Bên mời thầu phải mở công khai và đọc rõ các thông tin theo điểm b Mục 19.2 CDNĐT của tất cả HSDST đã nhận được trước thời điểm đóng thầu. Việc mở thầu phải được tiến hành công khai theo thời gian và địa điểm quy định tại **BDL** trước sự chứng kiến của đại diện của các nhà đầu tư tham dự lễ mở thầu và đại diện của các cơ quan, tổ chức có liên quan. Việc mở thầu không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà đầu tư tham dự sơ tuyển. Chỉ có các HSDST được mở và đọc trong lễ mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá.

	19.2. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDST theo trình tự sau đây: a) Kiểm tra niêm phong; b) Mở bản gốc HSDST, HSDST sửa đổi (nếu có) hoặc HSDST thay thế (nếu có) và đọc to, rõ những thông tin sau: tên nhà đầu tư, hiệu lực của HSDST, số lượng bản gốc, bản chụp và các thông tin khác mà Bên mời thầu thấy cần thiết; c) Đại diện của Bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự sơ tuyển, giấy uỷ quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư (nếu có), thoả thuận liên danh (nếu có). Bên mời thầu không được loại bỏ bất kỳ HSDST nào khi mở thầu, trừ các HSDST nộp muộn theo quy định tại Mục 17 CDNĐT. 19.3. Đối với trường hợp xin rút HSDST Bên mời thầu sẽ mở và đọc to, rõ các thông tin trong túi đựng văn bản đề nghị bên ngoài có ghi chữ "RÚT HSDST", túi đựng HSDST của nhà đầu tư có đề nghị rút HSDST sẽ được giữ nguyên niêm phong và trả lại nguyên trạng cho nhà đầu tư. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà đầu tư rút HSDST và vẫn mở HSDST tương ứng nếu văn bản đề nghị "RÚT HSDST" không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà đầu tư. 19.4. Đối với trường hợp sửa đổi HSDST Bên mời thầu sẽ tiến hành mở túi đựng văn bản đề nghị "SỬA ĐỔI HSDST", văn bản đề nghị gửi kèm sẽ được mở và đọc to, rõ cùng với các HSDST sửa đổi tương ứng trước khi mở HSDST ban đầu của nhà đầu tư. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà đầu tư sửa đổi HSDST nếu văn bản đề nghị sửa đổi HSDST không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà đầu tư. 19.5. Đối với trường hợp thay thế HSDST Bên mời thầu sẽ mở và đọc to, rõ thông tin trong túi đựng văn bản đề nghị bên ngoài có ghi chữ "THAY THẾ HSDST" và HSDST thay thế này sẽ được thay cho HSDST bị thay thế. HSDST bị thay thế sẽ không được

	mở và được trả lại nguyên trạng cho nhà đầu tư. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà đầu tư thay thế HSDST nếu văn bản đề nghị thay thế HSDST không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà đầu tư. 19.6. Bên mời thầu phải lập biên bản mở thầu trong đó bao gồm các thông tin quy định tại Mục 19.2 CDNĐT. Đại diện của các nhà đầu tư tham dự lễ mở thầu sẽ được yêu cầu ký vào biên bản. Việc thiếu chữ ký của nhà đầu tư trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở thầu sẽ được gửi đến tất cả các nhà đầu tư tham dự sơ tuyển.
20. Bảo mật	20.1. Bên mời thầu tiếp nhận và quản lý các HSDST đã nộp theo chế độ quản lý hồ sơ mật cho đến khi công khai kết quả sơ tuyển. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSDST của nhà đầu tư này cho nhà đầu tư khác, trừ thông tin được công khai khi mở HSDST. 20.2. Trừ trường hợp làm rõ HSDST theo quy định tại Mục 21 CDNĐT, nhà đầu tư không được phép tiếp xúc với Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến HSDST của mình và các vấn đề khác liên quan đến dự án trong suốt thời gian từ khi mở HSDST cho đến khi công khai kết quả sơ tuyển.
21. Làm rõ HSDST	21.1. Sau khi mở HSDST, trong trường hợp phát hiện nhà đầu tư thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì Bên mời thầu có quyền yêu cầu nhà đầu tư làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm. 21.2. Sau khi mở HSDST, nhà đầu tư có trách nhiệm làm rõ HSDST theo yêu cầu của Bên mời thầu. Tất cả yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu và phản hồi của nhà đầu tư phải được thực hiện bằng văn bản và được gửi theo một trong những cách sau: gửi trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail. Việc làm rõ chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà đầu tư có HSDST cần phải làm rõ. Tài liệu làm rõ HSDST được Bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDST. Việc làm rõ phải đảm bảo nguyên tắc không làm thay đổi bản chất

	của nhà đầu tư tham dự thầu. 21.3. Trong văn bản yêu cầu làm rõ phải quy định thời hạn làm rõ của nhà đầu tư theo quy định tại **BDL**. Trường hợp quá thời hạn làm rõ mà Bên mời thầu không nhận được văn bản làm rõ, hoặc nhà đầu tư có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá HSDST của nhà đầu tư theo thông tin nêu tại HSDST nộp trước thời điểm hết hạn nộp HSDST. 21.4. Trường hợp sau khi hết hạn nộp HSDST, nhà đầu tư phát hiện HSDST thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì nhà đầu tư được phép gửi tài liệu đến Bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà đầu tư để xem xét, đánh giá; các tài liệu bổ sung, làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi là một phần của HSDST. Bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư về việc đã nhận được các tài liệu bổ sung làm rõ của nhà đầu tư bằng một trong những cách sau: gửi trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.
22. Các đối tác có liên quan	Nhà đầu tư phải kê khai các đối tác dự kiến sẽ cùng tham gia thực hiện dự án theo Mẫu PL 05 tại Chương IV – Biểu mẫu dự sơ tuyển.
23. Đánh giá HSDST và xếp hạng nhà đầu tư	23.1. Việc đánh giá HSDST thực hiện theo quy trình và tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Chương III – Quy trình và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển. 23.2. Việc xếp hạng nhà đầu tư thực hiện theo quy định tại **BDL**.
24. Điều kiện được lựa chọn vào danh sách ngắn	Nhà đầu tư được xem xét, lựa chọn vào danh sách ngắn khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: 24.1. Có HSDST hợp lệ; 24.2. Có tổng điểm đánh giá về năng lực, kinh nghiệm không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu, điểm đánh giá của từng nội dung yêu cầu cơ bản không thấp hơn mức điểm tối thiểu theo quy định tại Mục 2 Chương III – Quy trình và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển;

	24.3. Thuộc danh sách xếp hạng nhà đầu tư theo quy định tại Mục 23.2 CDNĐT.
25. Công khai kết quả sơ tuyển	Sau khi có quyết định phê duyệt kết quả sơ tuyển, Bên mời thầu đăng tải thông tin về kết quả sơ tuyển (danh sách ngắn) lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc Báo đấu thầu, đồng thời gửi văn bản thông báo kết quả sơ tuyển tới các nhà đầu tư nộp HSDST.
26. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu	Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng, nhà đầu tư có quyền gửi đơn kiến nghị về các vấn đề trong quá trình sơ tuyển, kết quả sơ tuyển đến Bên mời thầu, Người có thẩm quyền, Hội đồng tư vấn theo địa chỉ quy định tại **BDL**. Việc giải quyết kiến nghị trong đấu thầu được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương XII Luật Đấu thầu và Điều 88, 89 và 90 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.
27. Xử lý vi phạm trong đấu thầu	27.1. Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về đấu thầu và quy định khác của pháp luật có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. 27.2. Ngoài việc bị xử lý theo quy định tại Khoản 1 Mục này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về đấu thầu còn bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu và đưa vào danh sách các nhà đầu tư vi phạm trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. 27.3. Trường hợp vi phạm dẫn tới bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu, nhà đầu tư vi phạm có thể bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu đối với các dự án thuộc thẩm quyền quản lý của Người có thẩm quyền hoặc trong một Bộ, ngành, địa phương hoặc trên phạm vi toàn quốc theo quy định tại Khoản 3 Điều 90 Luật Đấu thầu. 27.4. Công khai xử lý vi phạm: a) Quyết định xử lý vi phạm được gửi cho tổ chức, cá nhân bị xử lý và các cơ quan, tổ chức liên quan, đồng thời gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi, tổng hợp;

	b) Quyết định xử lý vi phạm được đăng tải trên Báo đấu thầu, Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
28. Giám sát, theo dõi quá trình sơ tuyển	Người có thẩm quyền cử cá nhân hoặc đơn vị nêu tại **BDL** giám sát, theo dõi quá trình lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án. Trường hợp nhà đầu tư phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà đầu tư có trách nhiệm thông báo với cá nhân hoặc đơn vị được phân công giám sát, theo dõi.

CHƯƠNG II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẤU THẦU

CDNĐT 1.1	Tên và địa chỉ của Bên mời thầu: - Tên Bên mời thầu:___ *[ghi tên Bên mời thầu]* - Đại diện:___ *[ghi tên đầy đủ của người đại diện]* - Số tầng/số phòng:__ *[ghi số tầng, số phòng (nếu có)]* - Tên đường, phố:___ *[ghi tên đường phố, số nhà]* - Thành phố:___ *[ghi tên thành phố hoặc thị trấn]* - Mã bưu điện:___ *[ghi mã bưu điện (nếu có)]* - Số điện thoại:___ *[ghi số điện thoại, bao gồm mã nước và mã thành phố]* - Số fax:___ *[ghi số fax, bao gồm mã nước và mã thành phố]* - Địa chỉ e-mail:___ *[ghi địa chỉ email (nếu có)]*
CDNĐT 1.2	- Sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án (không bao gồm chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng) (m_1): ___ *[ghi sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án (không bao gồm chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng) do Bên mời thầu xác định theo quy định liên quan của pháp luật về xây dựng đối với từng dự án cụ thể bảo đảm phát huy khả năng, hiệu quả sử dụng tối đa khu đất, quỹ đất, diện tích đất, hệ số sử dụng đất và quy hoạch không gian sử dụng đất căn cứ vào quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 (nếu có) được phê duyệt].* - Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng (bao gồm chi phí hỗ trợ, tái định cư, nếu có) (m_2): ___ *[ghi chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng (bao gồm chi phí hỗ trợ, tái định cư, nếu có) do Bên mời thầu xây dựng căn cứ phương án sơ bộ theo quy định tại Điều 11 Nghị định 30/2015/NĐ-CP và hướng dẫn tại Phụ lục ban hành kèm theo Mẫu HSMST].* - Giá sàn: _____ *[ghi tổng giá trị $m_1 + m_2$]*
CDNĐT 1.3	Yêu cầu về vốn chủ sở hữu và vốn vay mà nhà đầu tư phải thu xếp và huy động: - Vốn chủ sở hữu tối thiểu mà nhà đầu tư phải thu xếp: ___ *[ghi vốn chủ sở hữu tối thiểu yêu cầu nhà đầu tư phải thu xếp bằng số và bằng chữ. Vốn chủ sở hữu tối thiểu không thấp hơn 20% tổng mức đầu tư đối với dự án có quy mô sử dụng đất dưới 20 héc ta; không thấp hơn 15% tổng mức đầu tư đối với dự án có quy mô sử dụng đất từ 20 héc ta trở lên. Trong*

	đó, tổng mức đầu tư (tương đương với giá sàn) được xác định bằng tổng giá trị m_1 và m_2 theo quy định tại Mục 1.2]. - Vốn vay tối đa mà nhà đầu tư phải huy động: ___ *[ghi vốn vay tối đa mà nhà đầu tư phải huy động bằng số và bằng chữ].*
CDNĐT 1.4	Thông tin cơ bản của dự án bao gồm: *[ghi tóm tắt thông tin cơ bản dự án theo nội dung dưới đây]* a) Tên dự án:_____; b) Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng với nhà đầu tư: _____; c) Mục tiêu dự án: _____; d) Thời gian thực hiện hợp đồng: _____. Thông tin chi tiết về dự án được nêu tại Phần 2 – Mô tả dự án.
CDNĐT 3.4	- Nhà đầu tư tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với:___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và Bên mời thầu]* - Nhà đầu tư tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên. Cụ thể như sau: + Tư vấn lập HSMST (nếu có):___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]* + Tư vấn thẩm định HSMST (nếu có):___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]* + Tư vấn đánh giá HSDST (nếu có):___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]* + Tư vấn thẩm định kết quả sơ tuyển (nếu có): ___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]* - Nhà đầu tư tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với:____ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và Bên mời thầu]*
CDNĐT 3.7	Nhà đầu tư không vi phạm quy định của pháp luật về đất đai đối với trường hợp đang sử dụng đất do Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án theo các căn cứ sau đây: ___ *[ghi các căn cứ phù hợp với quy định pháp luật hiện hành. Ví dụ:* *- Kết quả xử lý vi phạm pháp luật về đất đai đối với các dự*

	án tại địa phương được đăng tải trên cổng thông tin của UBND cấp tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường; *- Nội dung công bố về tình trạng vi phạm pháp luật đất đai về kết quả xử lý vi phạm pháp luật đất đai trên cổng thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với các dự án nhà đầu tư đã hoặc đang thực hiện].*
CDNĐT 5.2	Hội nghị tiền đấu thầu ____ *[ghi "sẽ" hoặc "sẽ không"]* được tổ chức. *[Trường hợp Hội nghị được tổ chức: ghi ngày, giờ, địa điểm sẽ diễn ra hội nghị].*
CDNĐT 6.1	Bên mời thầu _____ *[ghi "sẽ" hoặc "sẽ không"]* tổ chức khảo sát hiện trường. *[Trường hợp Bên mời thầu hướng dẫn nhà đầu tư đi khảo sát hiện trường thì ghi rõ thời gian, địa điểm].*
CDNĐT 7.3	Tài liệu sửa đổi HSMST sẽ được Bên mời thầu gửi đến tất cả các nhà đầu tư đã nhận HSMST từ Bên mời thầu trước ngày có thời điểm đóng thầu tối thiểu _____ ngày *[ghi số ngày cụ thể, nhưng phải bảo đảm đủ thời gian để nhà đầu tư hoàn chỉnh HSDST và tối thiểu là 10 ngày].* Trường hợp thời gian gửi văn bản sửa đổi HSMST không đáp ứng theo quy định thì Bên mời thầu thực hiện gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng.
CDNĐT 9	*[Căn cứ hình thức sơ tuyển, ghi rõ ngôn ngữ của HSDST:* *- Đối với sơ tuyển quốc tế:* *HSDST cũng như tất cả các thư từ và tài liệu liên quan đến HSDST trao đổi giữa nhà đầu tư với Bên mời thầu được viết bằng:_____ [Trường hợp HSMST được viết bằng tiếng Anh thì ghi "tiếng Anh"; HSMST được viết bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt thì ghi "Nhà đầu tư có thể lựa chọn tiếng Anh hoặc tiếng Việt để lập HSDST căn cứ vào nội dung của bản HSMST bằng tiếng Anh".* *Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDST có thể được viết bằng ngôn ngữ khác đồng thời kèm theo bản dịch sang _____ [Trường hợp HSMST được viết bằng tiếng Anh thì ghi "tiếng Anh"; HSMST được viết bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt thì ghi "ngôn ngữ mà nhà đầu tư lựa chọn để lập HSDST"]. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà đầu tư gửi bổ sung.*

	- Đối với sơ tuyển trong nước: *HSDST cũng như tất cả các thư từ và tài liệu liên quan đến HSDST trao đổi giữa nhà đầu tư với Bên mời thầu được viết bằng tiếng Việt.* *Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDST có thể được viết bằng ngôn ngữ khác đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà đầu tư gửi bổ sung].*
CDNĐT 10.6	Nhà đầu tư phải nộp cùng với HSDST các tài liệu sau đây:___ *[ghi cụ thể các nội dung cần thiết khác của HSDST ngoài các nội dung quy định tại Mục 10.1, 10.2, 10.3, 10.4 và 10.5 CDNĐT trên cơ sở phù hợp với quy mô, tính chất của dự án và không làm hạn chế sự tham gia của nhà đầu tư. Nếu không có yêu cầu thì phải ghi rõ là "không áp dụng"].*
CDNĐT 12.1	Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà đầu tư: a) Đối với nhà đầu tư độc lập, phải cung cấp các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của mình như sau: - Bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của quốc gia mà nhà đầu tư đang hoạt động cấp; - Báo cáo tài chính trong ___năm *[ghi số năm theo yêu cầu]* đã được kiểm toán hoặc được cơ quan thuế xác nhận, các tài liệu khác chứng minh nhà đầu tư hạch toán tài chính độc lập. b) Đối với nhà đầu tư liên danh, phải cung cấp các tài liệu sau đây: - Các tài liệu nêu tại Điểm a Mục này đối với từng thành viên trong liên danh; - Văn bản thỏa thuận liên danh giữa các thành viên theo Mẫu PL 03 tại Chương IV – Biểu mẫu dự sơ tuyển.
CDNĐT 12.2 (b)	Nhà đầu tư phải nộp cùng với HSDST các tài liệu sau đây:___*[ghi cụ thể các nội dung cần thiết khác của HSDST ngoài các nội dung quy định tại Mục 12.2 (a) CDNĐT trên cơ sở phù hợp với quy mô, tính chất của dự án và không làm hạn chế sự tham dự thầu của nhà đầu tư. Nếu không có yêu cầu thì phải ghi rõ là "không áp dụng"]*

CDNĐT 13.1	Thời hạn hiệu lực của HSDST là:____ngày *[ghi cụ thể số ngày, tối đa là 180 ngày]* kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNĐT 14.1	Số lượng bản chụp HSDST là: ___ *[ghi số lượng bản chụp cần thiết].*
CDNĐT 16.1	- Thời điểm đóng thầu là: __ giờ__ phút, ngày__tháng__năm__ *[ghi thời điểm đóng thầu bảo đảm quy định thời gian từ ngày đầu tiên phát hành HSMST đến ngày có thời điểm đóng thầu tối thiểu là 30 ngày và không ghi thời điểm đóng thầu vào đầu giờ làm việc của một ngày để không làm hạn chế nhà đầu tư nộp HSDST].* - HSMST có mức giá bán là: ____ *[ghi mức giá bán bộ HSMST, đảm bảo không quá 5.000.000 (năm triệu) đồng đối với sơ tuyển trong nước; không quá 10.000.000 (mười triệu) đồng đối với sơ tuyển quốc tế].*
CDNĐT 19.1	Thời điểm mở thầu là: ___ giờ___ phút, ngày__tháng__năm__ tại địa điểm mở thầu theo địa chỉ như sau: - Số nhà/số tầng/số phòng: - Tên đường, phố: - Thành phố: *[ghi ngày, giờ và địa điểm tiến hành việc mở thầu, trong đó cần lưu ý quy định thời điểm mở thầu trong vòng 01 giờ kể từ thời điểm đóng thầu]*
CDNĐT 21.3	Thời gian làm rõ HSDST của nhà đầu tư trong vòng: ___ ngày kể từ ngày Bên mời thầu có văn bản yêu cầu làm rõ. *[Bên mời thầu quy định số ngày phù hợp, đảm bảo nhà đầu tư có đủ thời gian làm rõ HSDST].*
CDNĐT 23.2	HSDST của nhà đầu tư có số điểm được đánh giá không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu được đưa vào danh sách ngắn; HSDST của nhà đầu tư có số điểm cao nhất được xếp thứ nhất. Trường hợp có nhiều hơn 03 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu thì lựa chọn____ *[căn cứ quy mô, tính chất, lĩnh vực của dự án, Bên mời thầu quy định số lượng nhà đầu tư trong danh sách ngắn đảm bảo tối thiểu là 03 nhà đầu tư và tối đa là 05 nhà đầu tư]* nhà đầu tư xếp hạng cao nhất vào danh sách ngắn.

CDNĐT 26	Địa chỉ nhận đơn kiến nghị: a) Địa chỉ của Bên mời thầu: _____ *[ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ của Bên mời thầu].* b) Địa chỉ của Người có thẩm quyền: _____ *[ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ của người đứng đầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ ký kết hợp đồng dự án].* c) Bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn: _____ *[ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ].*
CDNĐT 28	Thông tin của cá nhân, đơn vị được giao nhiệm vụ giám sát, theo dõi: ____ *[ghi đầy đủ tên, địa chỉ số điện thoại, số fax của cá nhân, đơn vị được Người có thẩm quyền giao nhiệm vụ thực hiện giám sát, theo dõi quá trình lựa chọn nhà đầu tư của dự án (nếu có). Trường hợp không thực hiện giám sát, theo dõi thì ghi "không áp dụng"].*

CHƯƠNG III. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDST

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ HSDST

1.1. Kiểm tra HSDST

a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSDST;

b) Kiểm tra các thành phần của bản gốc HSDST, bao gồm: Đơn dự sơ tuyển; tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự sơ tuyển; giấy ủy quyền ký đơn dự sơ tuyển (nếu có); thỏa thuận liên danh (nếu có); tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư và các nội dung khác thuộc HSDST theo quy định tại Mục 10 CDNĐT;

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá HSDST.

1.2. Đánh giá tính hợp lệ HSDST

HSDST của nhà đầu tư được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc HSDST;

b) Có đơn dự sơ tuyển được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có). Đối với nhà đầu tư liên danh, đơn dự sơ tuyển phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên thay mặt liên danh ký đơn dự sơ tuyển theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh;

c) Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDST với tư cách là nhà đầu tư độc lập hoặc thành viên trong liên danh;

d) Thời hạn hiệu lực của HSDST đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 13 CDNĐT;

đ) Trường hợp liên danh, có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). Thỏa thuận liên danh phải quy định rõ trách nhiệm của thành viên đứng đầu liên danh và trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên trong liên danh theo Mẫu PL 03 Chương IV – Biểu mẫu dự sơ tuyển;

e) Nhà đầu tư có tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 CDNĐT.

Nhà đầu tư có HSDST được kết luận là "Hợp lệ" khi tất cả các nội dung được đánh giá là "Đáp ứng". HSDST của nhà đầu tư được kết luận là "Không hợp lệ" khi có bất kỳ nội dung nào được đánh giá là "Không đáp ứng" và khi đó HSDST của nhà đầu tư bị loại. Nhà đầu tư có HSDST hợp lệ được xem xét, đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Mục 2. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

2.1. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá về năng lực, kinh nghiệm sử dụng phương pháp chấm điểm theo thang điểm ___ *[quy định là 100 hoặc 1.000]* trong đó mức yêu cầu tối thiểu để đáp ứng yêu cầu là ___ % tổng số điểm *[quy định giá trị % nhưng không được thấp hơn 60%]* và điểm đánh giá của từng nội dung yêu cầu cơ bản tối thiểu là ___ % điểm tối đa của nội dung đó *[quy định giá trị % nhưng không thấp hơn 50%]*.

Trường hợp liên danh, năng lực về tài chính của nhà đầu tư liên danh là tổng năng lực của các thành viên trong liên danh, đồng thời từng thành viên liên danh phải đáp ứng năng lực tương ứng với phần vốn góp chủ sở hữu theo thỏa thuận liên danh; nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh được đánh giá là không đáp ứng thì nhà đầu tư liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về năng lực tài chính. Kinh nghiệm của nhà đầu tư liên danh thể hiện qua số dự án và bằng tổng số dự án của các thành viên trong liên danh đã thực hiện.

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá

Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư được thực hiện theo Bảng 1 dưới đây:

BẢNG 1: TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM

TT	Tiêu chí đánh giá về năng lực, kinh nghiệm	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết(1)	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu
I. Năng lực tài chính (mức điểm tối đa chiếm tỷ trọng 50-60% tổng số điểm) (2)					
1	Giá trị tài sản ròng bình quân trong ____năm *[ghi số năm]*(3)				Giá trị tài sản ròng bình quân trong _____năm *[ghi số năm]*: _____ *[ghi giá trị tài sản ròng tối thiểu không thấp hơn yêu cầu về vốn chủ sở hữu tối thiểu quy định tại Mục 1.3 BDL].*
2	Vốn chủ sở hữu(4)				Vốn chủ sở hữu tối thiểu nhà đầu tư phải thu xếp: _____ *[ghi giá trị vốn chủ sở hữu tối thiểu của nhà đầu tư theo quy định tại Mục 1.3 BDL].*
3	Khả năng thu xếp vốn vay(5)				Vốn vay tối đa mà nhà đầu tư phải huy động: ___ *[ghi vốn vay tối đa mà nhà đầu tư phải huy động theo quy định tại Mục 1.3 BDL].*
II	***Kinh nghiệm của nhà đầu tư (mức điểm tối đa chiếm tỷ trọng 30-40% tổng số điểm)*** (6)				Số lượng tối thiểu các dự án mà nhà đầu tư hoặc thành viên tham gia liên danh hoặc đối tác cùng thực hiện đã tham gia với vai trò là nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu hoặc nhà thầu: _____ dự án *[ghi số lượng theo yêu cầu]*. Cách xác định dự án như sau (7): - Loại 1: Dự án trong lĩnh vực _____ *[ghi lĩnh vực tương tự với lĩnh vực của dự án đang xét, bao gồm xây dựng công trình thuộc đô thị, khu đô thị mới, nhà ở thương mại, công*

					trình thương mại và dịch vụ tổ hợp đa năng] mà nhà đầu tư đã tham gia với vai trò nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: + Dự án có tổng mức đầu tư tối thiểu bằng_____ *[ghi giá trị tương đương, thông thường trong khoảng 50%-70% tổng mức đầu tư của dự án đang xét]* + Dự án mà nhà đầu tư có phần giá trị vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng yêu cầu về vốn chủ sở hữu của dự án đang xét. + Dự án đã hoàn thành giai đoạn xây dựng trong _____ năm gần đây *[ghi số năm theo yêu cầu].* - Loại 2: Dự án trong lĩnh vực _____ *[ghi lĩnh vực tương tự với lĩnh vực của dự án đang xét, bao gồm xây dựng công trình thuộc đô thị, khu đô thị mới, nhà ở thương mại, công trình thương mại và dịch vụ tổ hợp đa năng]* mà nhà đầu tư đã tham gia với vai trò là nhà thầu chính và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: + Giá trị gói thầu/hợp đồng tối thiểu bằng ____ *[ghi giá trị tương đương, thông thường trong khoảng 30%-70% giá trị công việc tương ứng của dự án đang xét].* + Gói thầu/Hợp đồng đã kết thúc trong _____năm gần đây *[ghi số năm theo yêu cầu].* - Loại 3: Dự án trong lĩnh vực _____ *[ghi lĩnh vực tương tự với lĩnh vực của dự án đang xét, bao gồm xây dựng công trình thuộc đô thị, khu đô thị mới, nhà ở thương mại, công trình thương mại và dịch vụ tổ hợp đa năng]* mà đối tác cùng

					thực hiện đã tham gia với vai trò là nhà thầu chính và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: + Giá trị gói thầu/hợp đồng tối thiểu bằng ____ *[ghi giá trị tương đương, thông thường trong khoảng 30%-70% giá trị công việc tương ứng của dự án đang xét].* + Gói thầu/Hợp đồng đã kết thúc trong _____năm gần đây *[ghi số năm theo yêu cầu].*
III. Phương pháp triển khai thực hiện dự án sơ bộ, năng lực triển khai dự án và cam kết thực hiện dự án (mức điểm tối đa chiếm tỷ trọng 10% tổng số điểm)(8)					
1	Cách tiếp cận và phương pháp luận				
2	Đề xuất sơ bộ cách thức triển khai dự án (bao gồm sáng kiến cải tiến)				
3	Các tiêu chí khác (9)				

Ghi chú:

(1) Bên mời thầu quy định chi tiết hơn thang điểm đánh giá đối với từng tiêu chí.

[Ví dụ: Đối với tiêu chí "Kinh nghiệm của nhà đầu tư", Bên mời thầu có thể quy định thang điểm chi tiết như sau:

- Nhà đầu tư đã thực hiện 1-2 dự án: 50% điểm tối đa;

- Nhà đầu tư đã thực hiện 3-4 dự án: 70% điểm tối đa;

- Nhà đầu tư đã thực hiện từ 5 dự án trở lên: 100% điểm tối đa.]

(2) Căn cứ quy mô, tính chất, lĩnh vực của dự án, Bên mời thầu có thể điều chỉnh hoặc bổ sung các chỉ tiêu tài chính khác như: vốn lưu động bình quân hàng năm, doanh thu bình quân hàng năm, không lỗ lũy kế… hoặc sử dụng tiêu chí giá trị tài sản ròng của năm tài chính gần nhất trong trường hợp dự án khuyến khích sự tham gia của nhà đầu tư mới được thành lập.

(3) Giá trị tài sản ròng là phần chênh lệch giữa tổng tài sản và tổng nợ. Giá trị tài sản ròng hàng năm đánh giá khả năng sinh lợi của doanh nghiệp trong năm đó cũng như khả năng chịu lỗ của doanh nghiệp.

Nhà đầu tư phải cung cấp thông tin về năng lực tài chính của nhà đầu tư theo Mẫu NL 01 tại Chương IV – Biểu mẫu dự sơ tuyển.

Căn cứ quy mô, tính chất, lĩnh vực của dự án, Bên mời thầu có thể bổ sung tiêu chí kiện tụng đang giải quyết của nhà đầu tư và yêu cầu nhà đầu tư cung cấp thông tin về các vụ kiện đang giải quyết tại thời điểm nộp HSDST. Trường hợp vụ kiện đang giải quyết được coi là có kết quả theo hướng bất lợi cho nhà đầu tư thì nhà đầu tư phải liệt kê chi phí liên quan đến các kiện tụng. Trong trường hợp này, giá trị tài sản ròng của nhà đầu tư được xác định bằng giá trị tài sản ròng trong báo cáo tài chính năm gần nhất trừ đi chi phí liên quan đến kiện tụng. Trường hợp tại thời điểm nộp HSDST, nhà đầu tư chưa có đầy đủ thông tin về kết quả của vụ kiện đang giải quyết thì nhà đầu tư vẫn kê khai thông tin về những vụ kiện tụng này; đồng thời đến thời điểm nộp HSDT, nhà đầu tư phải cung cấp thông tin về kết quả của vụ kiện để làm cơ sở cập nhật lại năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư.

(4) Nhà đầu tư phải cung cấp cam kết về việc huy động vốn chủ sở hữu theo Mẫu NL 02 tại Chương IV – Biểu mẫu dự sơ tuyển. Trong cam kết về huy động vốn chủ sở hữu, nhà đầu tư phải cung cấp thông tin về việc huy động vốn chủ sở hữu của các dự án đang thực hiện dở dang.

Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định căn cứ vào báo cáo tài chính của năm gần nhất của nhà đầu tư đã được đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán và báo cáo tình hình sử dụng vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư tại thời điểm tham gia dự án. Trường hợp HSMST chỉ yêu cầu năng lực tài chính trong năm gần nhất và nhà đầu tư là tổ chức mới thành lập trong năm thì vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định căn cứ vào báo cáo tài chính đã được đơn vị

kiểm toán độc lập kiểm toán từ thời điểm thành lập đến thời điểm tham gia dự án; đồng thời đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ phải có văn bản cam kết về đảm bảo đủ vốn chủ sở hữu theo phương án tài chính của dự án.

Trường hợp tại cùng một thời điểm, nhà đầu tư tham gia nhiều dự án thì phải đảm bảo tổng số vốn chủ sở hữu đáp ứng đủ cho toàn bộ số vốn chủ sở hữu nhà đầu tư cam kết thực hiện cho tất cả các dự án theo quy định.

(5) Nhà đầu tư phải cung cấp cam kết huy động vốn vay theo Mẫu NL 02 tại Chương IV – Biểu mẫu dự sơ tuyển. Nhà đầu tư nộp kèm theo văn bản cam kết cung cấp tài chính của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng đối với phần nghĩa vụ tài chính còn lại (ngoài vốn chủ sở hữu) thuộc trách nhiệm thu xếp của nhà đầu tư.

(6) Căn cứ quy mô, tính chất, lĩnh vực của dự án, Bên mời thầu có thể quy định điểm thưởng tại Mục này trên cơ sở tiêu chí chất lượng của công việc đã thực hiện. Trong trường hợp này, Bên mời thầu yêu cầu nhà đầu tư cung cấp xác nhận về việc hoàn thành dự án theo Mẫu NL 03 tại Chương IV – Biểu mẫu dự sơ tuyển.

(7) Kinh nghiệm của nhà đầu tư được thể hiện thông qua số dự án/hợp đồng trong lĩnh vực tương tự mà nhà đầu tư tham gia với vai trò là nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu hoặc nhà thầu chính và các dự án mà đối tác của nhà đầu tư đã thực hiện. Nhà đầu tư cung cấp kinh nghiệm của mình theo Mẫu NL 03 tại Chương IV – Biểu mẫu dự sơ tuyển. Nhà đầu tư chỉ được trích dẫn kinh nghiệm thực hiện một dự án tương tự một lần duy nhất (tham gia với tư cách độc lập hoặc thành viên của liên danh) có thể nắm giữ nhiều vai trò trong dự án được nói đến.

[Bên mời thầu quy định 01 dự án thuộc loại 2, 3 bằng tối đa 0,5-0,7dự án thuộc loại 1 và cách thức làm tròn số trong trường hợp số lượng dự án được quy đổi là số lẻ.]

(8) Nhà đầu tư đề xuất phương pháp triển khai thực hiện dự án sơ bộ, năng lực triển khai dự án và cam kết thực hiện dự án theo Mẫu NL 04 tại Chương IV – Biểu mẫu dự sơ tuyển.

(9) Căn cứ quy mô, tính chất, lĩnh vực của dự án, Bên mời thầu đưa ra các tiêu chí khác phù hợp, nhưng không vượt quá 30% tổng số điểm của Mục III.

CHƯƠNG IV. BIỂU MẪU DỰ SƠ TUYỂN

A. Pháp lý

1. Mẫu PL 01: Đơn dự sơ tuyển
2. Mẫu PL 02: Giấy ủy quyền
3. Mẫu PL 03: Thỏa thuận liên danh
4. Mẫu PL 04: Thông tin về nhà đầu tư
5. Mẫu PL 05: Các đối tác cùng thực hiện dự án

B. Năng lực và Kinh nghiệm

1. Mẫu NL 01: Năng lực tài chính của nhà đầu tư
2. Mẫu NL 02: Cam kết nguồn cung cấp tài chính, tín dụng cho nhà đầu tư
3. Mẫu NL 03: Kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự
4. Mẫu NL 04: Phương pháp triển khai thực hiện dự án sơ bộ

MẪU PL 01

ĐƠN DỰ SƠ TUYỂN (1)

(Địa điểm), ngày ___ tháng ___ năm ___

Kính gửi: ___ *[ghi tên Bên mời thầu]*

(sau đây gọi là Bên mời thầu)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời sơ tuyển, (bao gồm văn bản sửa đổi hồ sơ mời sơ tuyển , nếu có), chúng tôi, ___ *[ghi tên nhà đầu tư]*, bày tỏ sự quan tâm tới dự án ___ *[ghi tên dự án]*.

Nếu được lựa chọn vào danh sách ngắn, chúng tôi sẽ tham gia đấu thầu dự án ___ *[ghi tên dự án]*.

Chúng tôi cam kết các thông tin kê khai trong hồ sơ dự sơ tuyển này là chính xác, trung thực.

Hồ sơ dự sơ tuyển này có hiệu lực trong thời gian___ngày(2) *[ghi số ngày]*, kể từ ngày___ tháng ___ năm___(3) *[ghi ngày có thời điểm đóng thầu]* .

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư (4)

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư lưu ý ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Bên mời thầu, nhà đầu tư, thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự sơ tuyển, được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Thời gian có hiệu lực của HSDST được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSMST. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày đóng thầu được tính là 01 ngày.

(3) Ghi ngày đóng thầu theo quy định tại Mục 16.1 BDL.

(4) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự sơ tuyển thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu PL 02 của Chương này; trường hợp tại Điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự sơ tuyển thì phải gửi kèm theo bản chụp của các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu PL 02 của Chương này).

MẪU PL 02

GIẤY ỦY QUYỀN (1)

Hôm nay, ngày ___ tháng ___ năm ___, tại ___

Tôi là___ *[ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư],* là người đại diện theo pháp luật của ___ *[ghi tên nhà đầu tư]* có địa chỉ tại ___ *[ghi địa chỉ của nhà đầu tư]*, bằng văn bản này ủy quyền cho: ___ *[ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền]* thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia đấu thầu dự án ___ *[ghi tên dự án]* do ___ *[ghi tên Bên mời thầu]* tổ chức:

[- Ký đơn dự sơ tuyển;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham gia sơ tuyển, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMST và văn bản giải trình, làm rõ HSDST;

- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham gia dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSDT;

- Các công việc khác [ghi rõ nội dung các công việc (nếu có)].(2)

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ___ *[ghi tên nhà đầu tư]*. ____ *[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư]* chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do___ *[ghi tên người được ủy quyền]* thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____(3). Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau. Người ủy quyền giữ ____ bản. Người được ủy quyền giữ ____ bản. Đính kèm theo bản gốc của Hồ sơ dự sơ tuyển một (01) bản gốc.

Người được ủy quyền	**Người ủy quyền**
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]	*[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu cùng với đơn dự sơ tuyển theo quy định tại Mục 10.3 Chương I của HSMST này. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi

nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà đầu tư để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư thực hiện một hoặc nhiều nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà đầu tư hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham dự thầu.

MẪU PL 03

THỎA THUẬN LIÊN DANH

(Địa điểm), ngày___ tháng___ năm___

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh: ___ *[Ghi tên từng thành viên liên danh]*

- Quốc gia nơi đăng ký hoạt động:
- Mã số thuế:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Email:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:

Giấy ủy quyền số ___ ngày___ tháng ___ năm ___ *(trường hợp được ủy quyền)*.

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham gia đấu thầu dự án ___ *[ghi tên dự án]*.

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến dự án là:___ *[ghi tên của liên danh theo thỏa thuận]*.

Địa chỉ giao dịch của Liên danh:

Điện thoại:

Fax:

Email:

Người đại diện của Liên danh:

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà đầu tư khác để tham gia đấu thầu dự án này.

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện các công việc trong quá trình sơ tuyển và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư cho dự án như sau:

1. Các bên nhất trí thỏa thuận cho _____ *[ghi tên một thành viên]* đại diện cho liên danh để thực hiện các công việc sau (có thể điều chỉnh, bổ sung theo thỏa thuận của các bên):

[- Ký đơn dự sơ tuyển;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham gia sơ tuyển, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMST và văn bản giải trình, làm rõ HSDST;

- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSDT;

- Các công việc khác, trừ việc ký kết hợp đồng [ghi rõ nội dung các công việc (nếu có)].

2. Vai trò, trách nhiệm của các thành viên trong liên danh[(1)]*[ghi cụ thể vai trò, trách nhiệm của từng thành viên trong liên danh và ghi tỷ lệ phần trăm vốn góp chủ sở hữu trong liên danh]:*

TT	Tên thành viên	Vai trò tham gia	Vốn chủ sở hữu	
			Giá trị	Tỉ lệ %
1	Thành viên 1	*[Tài chính]*		
2	Thành viên 2	*[Kỹ thuật]*		
3	Thành viên 3	*[Vận hành/Quản lý]*		
.....				
		Tổng	....	**100%**

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên thỏa thuận cùng chấm dứt;

- Có sự thay đổi thành viên liên danh. Trong trường hợp này, nếu sự thay đổi thành viên liên danh được Bên mời thầu chấp thuận thì các bên phải thành lập thỏa thuận liên danh mới;

- Liên danh không được lựa chọn vào danh sách ngắn;

- Liên danh không trúng thầu;

- Hủy việc sơ tuyển dự án theo thông báo của Bên mời thầu;

- Hủy việc lựa chọn nhà đầu tư theo thông báo của Bên mời thầu;

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng dự án.

Thỏa thuận liên danh này được lập thành ___ bản gốc, mỗi thành viên liên danh giữ___ bản, nộp kèm theo hồ sơ dự sơ tuyển 01 bản gốc. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

Đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh(2)

[ghi tên đại diện hợp pháp của từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư phải kê khai vai trò tham gia và tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu của từng thành viên trong liên danh.

(2) Đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh có thể là người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền.

MẪU PL 04

THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ

(Địa điểm), ngày___ tháng___ năm___

1. Tên nhà đầu tư/Tên thành viên liên danh:

2. Quốc gia nơi đăng ký hoạt động của nhà đầu tư:

3. Năm thành lập:

4. Địa chỉ hợp pháp của nhà đầu tư tại quốc gia đăng ký:

5. Thông tin về đại diện hợp pháp của nhà đầu tư:

- Tên:
- Địa chỉ:
- Số điện thoại/fax:
- Địa chỉ e-mail:

6. Sơ đồ tổ chức của nhà đầu tư:

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên của nhà đầu tư liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà đầu tư cần nộp kèm theo bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà đầu tư đang hoạt động cấp.

MẪU PL 05

CÁC ĐỐI TÁC CÙNG THỰC HIỆN DỰ ÁN[1]

TT	Tên đối tác[2]	Quốc gia nơi đăng ký hoạt động	Vai trò tham gia[3]	Người đại diện theo pháp luật	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với đối tác[4]
1	*Công ty 1*		*[Tổ chức cung cấp tài chính]*		
2	*Công ty 2*		*[Nhà thầu xây dựng]*		
3	*Công ty 3*		*[Nhà thầu vận hành/Quản lý]*		
	.....				

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Trường hợp có sự tham gia của các đối tác khác thì kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà đầu tư ghi cụ thể tên của các đối tác tham gia thực hiện dự án. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của các đối tác thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột "vai trò tham gia". Sau đó, nếu trúng thầu thì khi huy động các đối tác thực hiện công việc đã kê khai thì phải thông báo cho Bên mời thầu.

(3) Nhà đầu tư ghi cụ thể vai trò tham gia của từng đối tác.

(4) Nhà đầu tư ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận, kèm theo bản chụp được chứng thực các tài liệu đó (nếu có).

MẪU NL 01

NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ[1]

1. Tên nhà đầu tư/Thành viên trong liên danh:

2. Thông tin về năng lực tài chính của nhà đầu tư/thành viên trong liên danh:

a) Tóm tắt các số liệu về tài chính trong vòng____năm tài chính gần nhất[2]:

Thông tin từ Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả kinh doanh

STT	Nội dung	Số liệu tài chính cho____năm gần nhất		
		Năm 1	Năm 2	Năm ...
1	Tổng tài sản			
2	Tổng nợ			
3	Giá trị tài sản ròng			
4	Tài sản ngắn hạn			
5	Nợ ngắn hạn			
6	Vốn lưu động			
7	Tổng doanh thu			
8	Lợi nhuận trước thuế			
9	Lợi nhuận sau thuế			

b) Các vụ kiện đang giải quyết trong đó nhà đầu tư là một bên đương sự[3]:

Các vụ kiện đang giải quyết			
Chọn một trong các thông tin mô tả dưới đây: ☐ Không có vụ kiện nào đang giải quyết. ☐ Dưới đây là mô tả về các vụ kiện đang giải quyết mà nhà đầu tư là một bên đương sự (hoặc mỗi thành viên của liên danh nếu là nhà đầu tư liên danh).			
Năm	**Vấn đề tranh chấp**	**Giá trị vụ kiện đang giải quyết tính bằng VND**	**Tỷ lệ của giá trị vụ kiện đang giải quyết so với giá trị tài sản ròng**

c) Tài liệu đính kèm

Đính kèm là bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao

gồm tất cả thuyết minh có liên quan, các báo cáo kết quả kinh doanh) cho ____ năm tài chính gần nhất (4) và tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà đầu tư liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh.

2. Báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành, kèm theo là bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;

- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp).có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;

- Tài liệu chứng minh việc nhà đầu tư đã kê khai quyết toán thuế điện tử;

- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;

- Báo cáo kiểm toán (nếu có);

- Các tài liệu khác.

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên của nhà đầu tư liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Ghi số năm theo yêu cầu, thông thường là từ 3 đến 5 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Các cột tại bảng cần được mở rộng cho phù hợp với số năm quy định.

(3) Trường hợp Bên mời thầu không sử dụng tiêu chí kiện tụng đang giải quyết của nhà đầu tư thì bỏ bảng này.

(4) Trường hợp báo cáo tài chính của năm tài chính gần nhất chưa được kiểm toán, nhà đầu tư phải cung cấp một bản cam kết về nội dung này. Đồng thời, nhà đầu tư phải cung cấp Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm liền trước năm mà Báo cáo tài chính của năm đó chưa được kiểm toán.

MẪU NL 02

CAM KẾT NGUỒN CUNG CẤP TÀI CHÍNH, TÍN DỤNG CHO NHÀ ĐẦU TƯ (1)

(Địa điểm), ngày ___ tháng ___ năm ___

1. Tôi là ___ *[ghi tên]*, ___ *[ghi chức vụ]*, là đại diện hợp pháp của ___ *[Ghi tên nhà đầu tư/tên liên danh nhà đầu tư]*, xác nhận và cam kết rằng những thông tin được cung cấp trong văn bản này là đúng sự thật và các tài liệu kèm theo là bản sao chính xác với tài liệu gốc.

2. Các nguồn tài chính, tín dụng sau đây đã được cam kết và sẽ được huy động để thực hiện dự án:

Nguồn tài chính	Giá trị
I. Vốn chủ sở hữu cam kết góp vào dự án:	
1.	
2.	
...	
II. Vốn vay nhà đầu tư phải huy động:	
1.	
2.	
...	

3. Tài liệu kèm theo:

- Bản sao văn bản cam kết cung cấp tài chính của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng.

- Thông tin về tình hình huy động vốn chủ sở hữu cho các dự án đang thực hiện dở dang của nhà đầu tư.

- Tài liệu liên quan khác.

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Ghi số tiền bằng số, bằng chữ theo đồng tiền dự thầu.

MẪU NL 03

KINH NGHIỆM THỰC HIỆN DỰ ÁN TƯƠNG TỰ

(Địa điểm), ngày ___ tháng ___ năm ___

[Nhà đầu tư liệt kê kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự theo yêu cầu của Bên mời thầu]

1. Dự án số 01: ___ *[ghi tên dự án]*

Tên nhà đầu tư/ tên thành viên liên danh:	
1	Số hợp đồng: Ngày ký:
	Tham gia dự án với vai trò: ☐ Nhà đầu tư độc lập ☐ Thành viên liên danh nhà đầu tư ☐ Nhà thầu quản lý dự án ☐ Nhà thầu Xây dựng ☐ Nhà thầu vận hành
	Tiến độ thực hiện dự án: ☐ Kết thúc xây dựng ☐ Kết thúc vận hành, kinh doanh ☐ Hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng dự án
	Tiến độ thực hiện gói thầu (trường hợp là nhà thầu):
	Tỷ lệ nắm giữ cổ phần trong liên danh (trường hợp nhà đầu tư là liên danh):
	Vốn chủ sở hữu đã được huy động:
	Tổng mức đầu tư:
	Giá trị gói thầu/hợp đồng *(trường hợp là nhà thầu)*:
	Loại hợp đồng:
	Quốc gia:
2	Tên Bên mời thầu/Cơ quan có thẩm quyền: Địa chỉ: Tên người liên lạc: Điện thoại: Fax: Email:
3	Mô tả ngắn gọn về điểm tương đồng của dự án đã thực hiện này với dự án đang lựa chọn nhà đầu tư:

4	- Mô tả ngắn gọn về phần công việc đã thực hiện: - Giá trị của (các) phần công việc đã thực hiện: (Giá trị và loại tiền tệ) tương đương . . . VNĐ
5	- Mô tả ngắn gọn về phần công việc còn phải thực hiện: - Giá trị của (các) phần công việc còn phải thực hiện: (Giá trị và loại tiền tệ) tương đương . . . VNĐ
6	*[Trường hợp Bên mời thầu đánh giá về chất lượng công việc đã thực hiện thì yêu cầu nhà đầu tư kê khai các nội dung sau đây:* *- Năng lực của nhà đầu tư trong việc kiểm soát chi phí của các dự án đã hoàn thành:* *- Năng lực của nhà đầu tư trong việc tuân thủ tiến độ dự kiến của các dự án đã hoàn thành:* *- Năng lực của nhà đầu tư trong việc đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật của các dự án...]*
7	Lịch sử tranh chấp, kiện tụng:
8	Mô tả tóm tắt về các yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật/hoạt động vận hành:

2. Dự án số 02:___ *[ghi tên dự án]*

……

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư phải kê khai chính xác, trung thực các thông tin dự án đang thực hiện dở dang tính đến thời điểm nộp hồ sơ dự sơ tuyển; nếu Bên mời thầu phát hiện bất cứ nhà đầu tư nào kê khai không chính xác, không trung thực thì được coi là hành vi "gian lận" và HSDST sẽ bị loại.

(2) Trường hợp Bên mời thầu đánh giá chất lượng công việc đã thực hiện, Bên mời thầu cần yêu cầu nhà đầu tư cung cấp xác nhận của cơ quan có thẩm quyền ký kết hợp đồng dự án hoặc xác nhận của chủ đầu tư (trường hợp nhà đầu tư tham gia với vai trò là nhà thầu).

MẪU NL 04

PHƯƠNG PHÁP TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỰ ÁN SƠ BỘ

Nhà đầu tư chuẩn bị phương pháp triển khai thực hiện dự án sơ bộ gồm các phần:

1. Cách tiếp cận và phương pháp luận

2. Đề xuất sơ bộ cách thức triển khai dự án.

3. Các nội dung khác theo yêu cầu của Bên mời thầu.

PHẦN 2. MÔ TẢ DỰ ÁN

[Bên mời thầu đưa ra các nội dung có liên quan đến dự án để nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ dự sơ tuyển bao gồm:

- Thông tin về dự án bao gồm tên dự án; mục tiêu, công năng; địa điểm thực hiện; quy mô; sơ bộ tiến độ thực hiện; hiện trạng khu đất, quỹ đất; các chỉ tiêu quy hoạch;

- Yêu cầu về thực hiện dự án; yêu cầu về kiến trúc; môi trường, an toàn; các nội dung khác của dự án (nếu có);

- Thời hạn giao đất hoặc cho thuê đất; mục đích sử dụng đất; cơ cấu sử dụng đất;

- Cơ sở xác định số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất mà nhà đầu tư phải nộp cho ngân sách nhà nước trong thời hạn được giao đất hoặc được cho thuê đất;

- Phương án sơ bộ về bồi thường, giải phóng mặt bằng (trường hợp khu đất, quỹ đất chưa thực hiện giải phóng mặt bằng);

- Các nội dung khác (nếu có).]

PHỤ LỤC

PHƯƠNG ÁN SƠ BỘ BỒI THƯỜNG, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG

Phương án sơ bộ bồi thường, giải phóng mặt bằng được lập trên cơ sở nội dung, quy trình thực hiện của phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai.

Phương án sơ bộ bồi thường, giải phóng mặt bằng là một phần của HSMST và được người có thẩm quyền phê duyệt cùng HSMST.

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- [Cập nhật các văn bản hiện hành có liên quan, ví dụ như:

- Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

- Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Các văn bản ngành có liên quan];

- Quyết định về việc phê duyệt danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh [ghi rõ số hiệu, ngày, cơ quan phát hành],

II. HIỆN TRẠNG

1. Phạm vi giải phóng mặt bằng

Phạm vi giải phóng mặt bằng là toàn bộ diện tích khu đất quy hoạch tại _____ [ghi địa điểm khu đất] với tổng diện tích là _____ [ghi tổng diện tích khu đất] m^2.

2. Vị trí cắm mốc giải phóng mặt bằng:

[Ghi số lượng cọc, vị trí cọc dự kiến (chú ý cụ thể ở các dự án mở rộng đường giao thông)].

3. Quy cách cọc giải phóng mặt bằng

[Ghi rõ quy cách cọc giải phóng mặt bằng].

III. KHỐI LƯỢNG BỒI THƯỜNG, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG:

1. Về đất

STT	Loại đất	Mã hiệu	Diện tích (m^2)
1	[Ghi rõ loại đất]	[Ghi mã hiệu]	[Ghi diện tích]
2			
...			
	Tổng cộng		

2. Đối tượng bị ảnh hưởng về đất đai và tài sản: _____ *đối tượng*

Trong đó:

+ Về tổ chức: _____

+ Về hộ gia đình, cá nhân: _____

- Khối lượng nhà ở phải di dời: _____

- Khối lượng hộ tái định cư: _____

- Khối lượng công trình hạ tầng kỹ thuật phải phá dỡ, di dời: _____

[Ghi đầy đủ các thông tin có liên quan]

3. Hỗ trợ, tái định cư

- Hỗ trợ: toàn bộ khu đất có _____ *[Ghi tổng số hộ] cần hỗ trợ.*

- Tái định cư: toàn bộ khu đất có _____ *[Ghi tổng số hộ] hộ phải di chuyển nhà ở và đề nghị được bố trí vào ở tại* _____ *[Ghi địa điểm tái định cư theo phương án sơ bộ].*

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí chi trả bồi thường, giải phóng mặt bằng (bao gồm chi phí hỗ trợ, tái định cư) được thu xếp từ nguồn vốn của nhà đầu tư được lựa chọn.

Trên cơ sở chế độ chính sách hiện hành, nhà đầu tư phối hợp với Cơ quan làm nhiệm vụ giải phóng mặt bằng xây dựng phương án bồi thường, giải phóng

mặt bằng chi tiết và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng chi tiết trình người có thẩm quyền phê duyệt.

V. DỰ TOÁN KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG

Dự toán kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng (bao gồm chi phí hỗ trợ, tái định cư) theo phương án sơ bộ là: _____ [Ghi số tiền bằng số và chữ].

(Đính kèm bảng kê chi tiết giá trị bồi thường, giải phóng mặt bằng)

VI. CÁC CƠ QUAN LÀM NHIỆM VỤ BỒI THƯỜNG, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG

[Ghi tên các cơ quan liên quan trong quá trình thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng].

VII. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

- Tổ chức họp dân thông báo kế hoạch giải phóng mặt bằng: Từ ngày _____ đến ngày _____.

- Tổ chức kiểm kê thực tế lập hồ sơ bồi thường cho các đối tượng nằm trong khu vực giải tỏa: Từ ngày _____ đến ngày _____ .

- Thẩm định điều kiện bồi thường về đất: Từ ngày _____ đến ngày __.

- Áp giá bồi thường và thẩm định phê duyệt đền bù: Từ ngày ___ đến ngày _____.

- Công bố công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền: Ngay sau khi có quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

- Giải quyết thắc mắc khiếu nại: Từ ngày _____ đến ngày _____.

- Chi trả tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư: Từ ngày _____ đến ngày _____.

Giải tỏa bàn giao mặt bằng thực hiện dự án: Từ ngày _____ đến ngày _____.

[Ghi các mốc thời điểm dự kiến].

VIII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

***1. Báo cáo về công tác tài chính kế toán**: thực hiện theo quy định của Pháp lệnh Thống kê kế toán hiện hành.*

2. Báo cáo thống kê kế hoạch thực hiện bao gồm:

+ Kết quả, tiến độ thực hiện công tác giải phóng mặt bằng.

+ Các vấn đề nảy sinh và đề xuất các biện pháp giải quyết.

+ Kế hoạch thực hiện trong thời gian tới.

MẪU
HỒ SƠ MỜI THẦU
LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT
(Mẫu số 02)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2016/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lập hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất)

HỒ SƠ MỜI THẦU

Tên dự án: _____

[ghi tên dự án]

Phát hành ngày: _____

[ghi ngày bắt đầu phát hành hồ sơ mời thầu cho nhà đầu tư]

Ban hành kèm theo Quyết định: _____

[ghi số và ngày phát hành quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu]

Tư vấn lập hồ sơ mời thầu (nếu có)	**Bên mời thầu**
[ghi tên,ký tên, đóng dấu (nếu có)]	*[ghi tên, ký tên, đóng dấu]*

MÔ TẢ TÓM TẮT

PHẦN 1. THỦ TỤC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ dự thầu. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp hồ sơ dự thầu, mở thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng dự án.

Chương III. Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu

Chương này quy định phương pháp, tiêu chuẩn để đánh giá hồ sơ dự thầu.

Chương IV. Biểu mẫu dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà nhà đầu tư sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của hồ sơ dự thầu.

PHẦN 2. YÊU CẦU VỀ TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Chương này cung cấp các thông tin của dự án và các trách nhiệm của nhà đầu tư được lựa chọn trong quá trình thực hiện dự án để nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ dự thầu.

PHẦN 3. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Phần này gồm các yêu cầu về nội dung của dự thảo hợp đồng và biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Thư bảo lãnh) do nhà đầu tư trúng thầu hoàn chỉnh trước khi hợp đồng có hiệu lực.

PHỤ LỤC. PHƯƠNG ÁN SƠ BỘ BỒI THƯỜNG, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

BDL	Bảng dữ liệu đấu thầu
CDNĐT	Chỉ dẫn nhà đầu tư
HSDST	Hồ sơ dự sơ tuyển
HSDT	Hồ sơ dự thầu
HSĐXKT	Hồ sơ đề xuất kỹ thuật
HSĐXTC	Hồ sơ đề xuất tài chính
HSMST	Hồ sơ mời sơ tuyển
HSMT	Hồ sơ mời thầu
Luật Đấu thầu	Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13
Nghị định 30/2015/NĐ-CP	Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư

PHẦN 1. THỦ TỤC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

CHƯƠNG I. CHỈ DẪN NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nội dung lựa chọn nhà đầu tư	1.1. Bên mời thầu với tên và địa chỉ quy định tại **BDL** mời nhà đầu tư quan tâm nộp HSDT đối với dự án được mô tả trong Mục I Phần 2 – Yêu cầu về trách nhiệm của nhà đầu tư. 1.2. Sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án, giá sàn được quy định tại **BDL**. 1.3. Yêu cầu về vốn chủ sở hữu và vốn vay của nhà đầu tư được quy định tại **BDL**. 1.4. Các thông tin cơ bản về dự án được nêu tại **BDL**.
2. Hành vi bị cấm trong đấu thầu	2.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ. 2.2. Lợi dụng chức vụ quyền hạn để can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động đấu thầu. 2.3. Thông thầu, bao gồm các hành vi sau đây: a) Thỏa thuận về việc rút khỏi việc dự thầu hoặc rút đơn dự thầu được nộp trước đó để một hoặc các bên tham gia thỏa thuận thắng thầu; b) Thỏa thuận để một hoặc nhiều bên chuẩn bị HSDT cho các bên tham dự thầu để một bên thắng thầu. 2.4. Gian lận, bao gồm các hành vi sau đây: a) Trình bày sai một cách cố ý hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu của một bên trong đấu thầu nhằm thu được lợi ích tài chính hoặc lợi ích khác hoặc nhằm trốn tránh bất kỳ một nghĩa vụ nào; b) Cá nhân trực tiếp đánh giá HSDT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư cố ý báo cáo sai hoặc cung cấp thông tin không trung thực làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà đầu tư; c) Nhà đầu tư cố ý cung cấp các thông tin không trung thực trong HSDT làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà đầu tư. 2.5. Cản trở, bao gồm các hành vi sau đây: a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa, quấy rối hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi

	đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng đối với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; b) Các hành vi cản trở đối với nhà đầu tư, cơ quan có thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán. 2.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây: a) Tham dự thầu với tư cách là nhà đầu tư đối với dự án do mình làm Bên mời thầu hoặc thực hiện các nhiệm vụ của Bên mời thầu; b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định HSMT đối với dự án này; c) Tham gia đánh giá HSDT đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án này; d) Là cá nhân thuộc Bên mời thầu nhưng trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà đầu tư hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư hoặc là người đứng đầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Bên mời thầu đối với dự án do cha mẹ đẻ, cha mẹ vợ hoặc cha mẹ chồng, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh chị em ruột đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư tham dự thầu; đ) Áp dụng hình thức lựa chọn nhà đầu tư không phải là hình thức đấu thầu rộng rãi khi không đủ điều kiện theo quy định của Luật Đấu thầu. 2.7. Tiết lộ, tiếp nhận những tài liệu, thông tin sau đây về quá trình lựa chọn nhà đầu tư, trừ trường hợp quy định tại điểm e Khoản 8 Điều 73, điểm l Khoản 3 Điều 74, Khoản 7 Điều 76, Khoản 7 Điều 78 và điểm d Khoản 4 Điều 92 của Luật Đấu thầu: a) Nội dung HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định; b) Nội dung HSDT, sổ tay ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng HSDT trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư; c) Nội dung yêu cầu làm rõ HSDT của Bên mời thầu

	và trả lời của nhà đầu tư trong quá trình đánh giá HSDT trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư; d) Báo cáo của Bên mời thầu, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư; đ) Kết quả lựa chọn nhà đầu tư trước khi được công khai theo quy định; e) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư được đóng dấu bảo mật theo quy định của pháp luật.
3. Thay đổi tư cách tham gia đấu thầu	3.1. Trường hợp nhà đầu tư cần thay đổi tư cách (tên) tham gia đấu thầu so với tên trong danh sách ngắn thì phải thông báo bằng văn bản tới Bên mời thầu theo số ngày quy định tại **BDL**. Bên mời thầu báo cáo Người có thẩm quyền xem xét, quyết định sự thay đổi tư cách của nhà đầu tư, cụ thể: a) Cho phép liên danh hoặc bổ sung thành viên của liên danh với nhà đầu tư ngoài danh sách ngắn; b) Không chấp nhận nhà đầu tư có thành viên rút khỏi liên danh mà không bổ sung thành viên mới có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc cao hơn. Nhà đầu tư phải kê khai cập nhật năng lực, kinh nghiệm của thành viên liên danh mới, đính kèm tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ; tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm của thành viên liên danh mới. 3.2. Trường hợp nhà đầu tư thay đổi tư cách (tên) tham gia đấu thầu so với tên trong danh sách ngắn thì phải bảo đảm tuân thủ quy định về tư cách hợp lệ của nhà đầu tư, bao gồm: a) Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà đầu tư đang hoạt động cấp. b) Hạch toán tài chính độc lập. c) Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có

	khả năng chi trả theo quy định của pháp luật. d) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại **BDL**. đ) Đã đăng ký trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. e) Không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu. g) Không vi phạm quy định của pháp luật về đất đai đối với trường hợp đang sử dụng đất do Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án theo quy định tại **BDL.** 3.3. Trường hợp nhà đầu tư không thay đổi tư cách (tên) tham gia đấu thầu so với tên trong danh sách ngắn thì Bên mời thầu không đánh giá lại tư cách hợp lệ của nhà đầu tư.
4. Nội dung HSMT	4.1. HSMT gồm có Phần 1, Phần 2, Phần 3, Phụ lục và các tài liệu sửa đổi, bổ sung HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNĐT (nếu có), trong đó cụ thể bao gồm các nội dung sau đây: **Phần 1. Thủ tục lựa chọn nhà đầu tư** - Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu - Chương III. Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá HSDT - Chương IV. Biểu mẫu dự thầu **Phần 2. Yêu cầu về trách nhiệm của nhà đầu tư** **Phần 3. Dự thảo hợp đồng và biểu mẫu hợp đồng** **Phụ lục: Phương án sơ bộ bồi thường, giải phóng mặt bằng** 4.2. Thư mời thầu do Bên mời thầu phát hành chỉ có tính chất thông báo, không phải là một phần của HSMT. 4.3. Bên mời thầu không chịu trách nhiệm về tính không chính xác, không hoàn chỉnh của HSMT, tài liệu giải thích làm rõ HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) hay các tài liệu sửa đổi của HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNĐT mà không do Bên mời thầu cung cấp.

	4.4. Nhà đầu tư phải nghiên cứu tất cả thông tin chỉ dẫn, BDL, biểu mẫu, yêu cầu về thực hiện dự án và các yêu cầu khác trong HSMT để chuẩn bị HSDT.
5. Làm rõ HSMT, hội nghị tiền đấu thầu	5.1. Trong trường hợp cần làm rõ HSMT, nhà đầu tư phải gửi văn bản đề nghị làm rõ tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 21 CDNĐT đến Bên mời thầu theo địa chỉ tại Mục 1.1 CDNĐT hoặc đặt câu hỏi trong hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) theo quy định tại Mục 5.2 CDNĐT. Khi Bên mời thầu nhận được đề nghị làm rõ HSMT của nhà đầu tư, Bên mời thầu phải có văn bản trả lời tất cả đề nghị làm rõ HSMT. Bên mời thầu sẽ gửi văn bản làm rõ HSMT cho nhà đầu tư có yêu cầu làm rõ HSMT và tất cả nhà đầu tư khác đã nhận HSMT từ Bên mời thầu, trong đó có mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà đầu tư đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSMT thì Bên mời thầu phải tiến hành sửa đổi HSMT theo thủ tục quy định tại Mục 7 CDNĐT. 5.2. Trong trường hợp cần thiết, Bên mời thầu tổ chức hội nghị tiền đấu thầu theo quy định tại **BDL**. Mục đích của hội nghị là giải thích, làm rõ các vấn đề và trả lời các câu hỏi mà nhà đầu tư thấy chưa rõ liên quan đến nội dung HSMT. Để tạo điều kiện thuận lợi cho Bên mời thầu trả lời yêu cầu làm rõ HSMT, nhà đầu tư nên gửi yêu cầu làm rõ đến Bên mời thầu trước ngày tổ chức hội nghị tiền đấu thầu. Nội dung trao đổi tại hội nghị tiền đấu thầu sẽ được Bên mời thầu ghi lại thành biên bản, trong đó nêu rõ nội dung các câu hỏi của nhà đầu tư và nội dung câu trả lời của Bên mời thầu nhưng không nêu tên nhà đầu tư có câu hỏi. Các nội dung làm rõ được lập thành văn bản làm rõ HSMT và gửi đến tất cả các nhà đầu tư đã nhận HSMT từ Bên mời thầu. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi HSMT. Việc không tham gia hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại nhà đầu tư. Trường hợp việc làm rõ sau hội nghị tiền đấu thầu dẫn đến phải sửa đổi HSMT thì Bên mời thầu phải tiến hành sửa đổi HSMT theo thủ tục

	quy định tại Mục 7 CDNĐT.
6. Khảo sát hiện trường	6.1. Nhà đầu tư và các đối tác của nhà đầu tư (nếu có) được tiếp cận, khảo sát hiện trường dự án với điều kiện nhà đầu tư và các đối tác của nhà đầu tư cam kết rằng Bên mời thầu không phải chịu bất kì trách nhiệm nào đối với nhà đầu tư và các đối tác của nhà đầu tư trong việc khảo sát hiện trường này. Nhà đầu tư và các đối tác của nhà đầu tư sẽ tự chịu trách nhiệm cho những rủi ro của mình như tai nạn, mất mát hoặc thiệt hại tài sản và bất kỳ chi phí nào khác phát sinh từ việc khảo sát hiện trường. Trong trường hợp cần thiết, Bên mời thầu sẽ tổ chức, hướng dẫn nhà đầu tư đi khảo sát hiện trường theo quy định tại **BDL**. 6.2. Nhà đầu tư cần thông báo trước cho Bên mời thầu về việc đề xuất tổ chức khảo sát hiện trường dự án.
7. Sửa đổi HSMT	7.1. Việc sửa đổi HSMT được thực hiện trước thời điểm đóng thầu thông qua việc phát hành văn bản sửa đổi HSMT. Văn bản sửa đổi HSMT, bao gồm cả quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi, được coi là một phần của HSMT. 7.2. Văn bản sửa đổi HSMT được gửi (trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc email) đến tất cả nhà đầu tư nhận HSMT từ Bên mời thầu. 7.3. Thời gian gửi văn bản sửa đổi HSMT đến các nhà đầu tư đã nhận HSMT từ Bên mời thầu thực hiện theo quy định tại **BDL**. Nhằm giúp các nhà đầu tư có đủ thời gian để sửa đổi HSDT, Bên mời thầu có thể quyết định gia hạn thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 21.2 CDNĐT. Nhà đầu tư phải thông báo bằng văn bản cho Bên mời thầu về việc đã nhận được các tài liệu sửa đổi HSMT theo một trong những cách sau: gửi trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.
8. Chi phí dự thầu	Nhà đầu tư phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc chuẩn bị và nộp HSDT. Trong mọi trường hợp, Bên mời thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà đầu tư.
9. Ngôn ngữ của HSDT	HSDT cũng như tất cả các thư từ và tài liệu liên quan đến HSDT trao đổi giữa nhà đầu tư với Bên mời thầu

	được viết bằng ngôn ngữ quy định tại **BDL**.
10. Thành phần của HSDT	HSDT bao gồm HSĐXKT và HSĐXTC, trong đó: 10.1. HSĐXKT phải bao gồm hồ sơ về hành chính, pháp lý, hồ sơ về năng lực và kinh nghiệm (trong trường hợp nhà đầu tư phải cập nhật về năng lực, kinh nghiệm theo quy định tại Mục 12 CDNĐT), đề xuất về kỹ thuật của nhà đầu tư theo yêu cầu của HSMT. Cụ thể như sau: a) Đơn dự thầu thuộc HSĐXKT quy định tại Mục 11 CDNĐT; b) Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự thầu theo quy định tại Mục 11 CDNĐT; c) Giấy ủy quyền theo Mẫu 02 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu (trong trường hợp cần thiết); d) Thỏa thuận liên danh (trong trường hợp thay đổi tư cách tham dự thầu) theo Mẫu số 03 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu; đ) Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 17 CDNĐT; e) Tài liệu cập nhật, bổ sung năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư theo quy định tại Mục 12 CDNĐT; g) Đề xuất kỹ thuật theo quy định tại Mục 13 CDNĐT. 10.2. HSĐXTC phải bao gồm các thành phần sau đây: a) Đơn dự thầu thuộc HSĐXTC theo quy định tại Mục 11 CDNĐT; b) Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 15 CDNĐT. 10.3. Đề xuất thay thế phương án thực hiện dự án trong HSDT theo quy định tại Mục 14 CDNĐT. 10.4. Các nội dung khác nêu tại **BDL**.
11. Đơn dự thầu	11.1. Đơn dự thầu thuộc HSĐXKT, đơn dự thầu thuộc HSĐXTC và các bảng biểu tương ứng theo mẫu quy định tại Chương IV – Biểu mẫu dự thầu. 11.2. Đối với nhà đầu tư độc lập, đơn dự thầu phải chuẩn bị theo Mẫu số 01 tại Chương IV – Biểu mẫu dự thầu, được ký tên và đóng dấu (nếu có) bởi đại diện hợp pháp của nhà đầu tư (người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư hoặc người được ủy quyền). Trường

	hợp ủy quyền, để chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền, nhà đầu tư cần gửi kèm theo giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 tại Chương IV – Biểu mẫu dự thầu hoặc bản chụp Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh hoặc các tài liệu khác chứng minh thẩm quyền của người được ủy quyền. 11.3. Đối với nhà đầu tư liên danh, đơn dự thầu phải được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên thay mặt liên danh theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). Đại diện hợp pháp của từng thành viên trong liên danh là người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền. Trường hợp ủy quyền, để chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền, thành viên trong liên danh cần gửi kèm theo giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 tại Chương IV – Biểu mẫu dự thầu hoặc bản chụp Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh hoặc các tài liệu khác chứng minh thẩm quyền của người được ủy quyền.
12. Cập nhật năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư	12.1. Khi tham dự thầu, nhà đầu tư phải cập nhật năng lực, kinh nghiệm của mình. Trường hợp năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư không có sự thay đổi, nhà đầu tư phải có cam kết bằng văn bản về việc vẫn đáp ứng yêu cầu thực hiện dự án. 12.2. Trường hợp có sự thay đổi về năng lực, kinh nghiệm, nhà đầu tư kê khai bằng văn bản (kèm tài liệu) để cập nhật năng lực, kinh nghiệm của mình cho Bên mời thầu. 12.3. Văn bản cam kết về việc vẫn đáp ứng yêu cầu thực hiện dự án và tài liệu để cập nhật năng lực, kinh nghiệm được nộp cùng HSDT và được coi là một bộ phận của HSDT.
13. Thành phần đề xuất kỹ thuật	Trong HSĐXKT, nhà đầu tư phải nộp một Đề xuất kỹ thuật gồm các nội dung theo quy định tại **BDL** và bất kỳ thông tin nào khác theo quy định tại phần A Chương IV – Biểu mẫu dự thầu.
14. Đề xuất thay	14.1. Nhà đầu tư được đề xuất thay thế phương án thực

thế phương án thực hiện dự án	hiện dự án theo quy định tại **BDL**. 14.2. Nhà đầu tư phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để Bên mời thầu có thể đánh giá phương án thực hiện dự án.
15. Thành phần đề xuất tài chính	15.1. Trong HSĐXTC, nhà đầu tư phải nộp một Đề xuất tài chính gồm Bảng tổng hợp chi phí thực hiện dự án và chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng (bao gồm chi phí hỗ trợ, tái định cư nếu có), các nội dung khác theo quy định tại **BDL** và bất kỳ thông tin nào khác theo quy định tại phần B Chương IV – Biểu mẫu dự thầu. 15.2. Nhà đầu tư phải có trách nhiệm hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT trên cơ sở tổng chi phí thực hiện dự án, tổng chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng (bao gồm hỗ trợ, tái định cư nếu có) và phần nộp ngân sách nhà nước do mình đề xuất. 15.3. Trường hợp nhà đầu tư đề xuất tăng phần nộp ngân sách nhà nước thì có thể ghi trực tiếp trong đơn dự thầu (thuộc HSĐXTC) hoặc đề xuất riêng. Trong trường hợp này, nhà đầu tư phải nêu rõ nội dung và cách thức tăng phần nộp ngân sách nhà nước kèm theo đề xuất tài chính tương ứng. Các đề xuất này có thể để cùng trong HSĐXTC hoặc nộp riêng song phải đảm bảo Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp nộp riêng thì thực hiện như quy định tại các Mục 20.2 và 20.3 CDNĐT. Các đề xuất sẽ được bảo quản như HSDT và được mở đồng thời với HSĐXTC của nhà đầu tư. 15.4. Sau khi được lựa chọn, nhà đầu tư chịu trách nhiệm: a) Nộp toàn bộ giá trị đề xuất nộp ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước theo thỏa thuận tại hợp đồng; b) Nộp toàn bộ giá trị đề xuất chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng (bao gồm hỗ trợ, tái định cư, nếu có) cho đơn vị, tổ chức có chức năng theo quy định của pháp luật về đất đai để tiến hành bồi thường, giải phóng mặt bằng khu đất, quỹ đất thuộc dự án. Số tiền

	này được coi là số tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng (bao gồm hỗ trợ, tái định cư nếu có) mà nhà đầu tư tự nguyện ứng trước cho Nhà nước để thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng cho dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp giá trị bồi thường, giải phóng mặt bằng thực tế (bao gồm hỗ trợ, tái định cư nếu có) thấp hơn giá trị nhà đầu tư đã nộp thì phần chênh lệch sẽ được nộp vào ngân sách nhà nước; trường hợp cao hơn thì nhà đầu tư phải bù phần thiếu hụt để đảm bảo đáp ứng đủ chi phí cho việc thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng (bao gồm hỗ trợ, tái định cư, nếu có). Nhà đầu tư sẽ được khấu trừ giá trị bồi thường, giải phóng mặt bằng thực tế (bao gồm hỗ trợ, tái định cư, nếu có) vào tiền thuê đất, tiền sử dụng đất nhưng không vượt quá số tiền thuê đất, tiền sử dụng đất phải nộp theo quy định của pháp luật về đất đai.
16. Đồng tiền dự thầu	Đồng tiền dự thầu theo quy định tại **BDL**.
17. Bảo đảm dự thầu	17.1. Khi tham dự thầu, nhà đầu tư phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc đặt cọc bằng Séc. Trường hợp sử dụng thư bảo lãnh thì thư bảo lãnh đó phải theo Mẫu số 08 tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu hoặc theo một hình thức khác tương tự nhưng phải bao gồm đầy đủ các nội dung cơ bản của bảo lãnh dự thầu. Trường hợp HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 18.2 CDNĐT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng. 17.2. Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau: a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 17.3 CDNĐT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất

	kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 17.6 CDNĐT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả; b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho cả liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 17.3 CDNĐT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 17.6 CDNĐT thì bảo đảm dự thầu sẽ không được hoàn trả. 17.3. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu theo quy định tại **BDL**. 17.4. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định Mục 17.3 CDNĐT, không đúng tên Bên mời thầu (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên mời thầu. 17.5. Nhà đầu tư không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu trong thời hạn tối đa theo quy định tại **BDL**, kể từ ngày thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư. Đối với nhà đầu tư được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa sau khi nhà đầu tư thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng. 17.6. Bảo đảm dự thầu không được hoàn trả trong các trường hợp sau đây: a) Nhà đầu tư rút HSDT (HSĐXKT, HSĐXTC) sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT;

	b) Nhà đầu tư vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d Mục 37.1 CDNĐT; c) Nhà đầu tư được lựa chọn không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 41.1 CDNĐT; d) Nhà đầu tư không tiến hành hoặc từ chối tiến hành đàm phán sơ bộ hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến đàm phán sơ bộ hợp đồng của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng; đ) Nhà đầu tư không tiến hành hoặc từ chối tiến hành đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng trong thời gian quy định tại Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng.
18. Thời gian có hiệu lực của HSDT	18.1. HSDT bao gồm HSĐXKT và HSĐXTC phải có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại **BDL**. HSDT có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá. 18.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà đầu tư gia hạn hiệu lực của HSDT (gia hạn hiệu lực của cả HSĐXKT và HSĐXTC), đồng thời yêu cầu nhà đầu tư gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian có hiệu lực của HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà đầu tư không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của HSDT thì HSDT của nhà đầu tư không được xem xét, đánh giá tiếp. Nhà đầu tư chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDT. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.
19. Quy cách HSDT và chữ ký trong HSDT	19.1. Nhà đầu tư phải chuẩn bị HSDT bao gồm: 01 bản gốc HSĐXKT, 01 bản gốc HSĐXTC một số bản chụp HSĐXKT, HSĐXTC theo số lượng quy định tại **BDL**. Trên trang bìa của các hồ sơ tương ứng phải ghi rõ "BẢN GỐC HSĐXKT", "BẢN GỐC HSĐXTC", "BẢN CHỤP HSĐXKT", "BẢN CHỤP HSĐXTC".

	Trường hợp có sửa đổi, thay thế HSĐXKT, HSĐXTC thì nhà đầu tư phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp với số lượng bằng số lượng bản chụp HSDT. Trên trang bìa của các hồ sơ tương ứng phải ghi rõ "BẢN GỐC HSĐXKT SỬA ĐỔI", "BẢN CHỤP HSĐXKT SỬA ĐỔI", "BẢN GỐC HSĐXTC SỬA ĐỔI", "BẢN CHỤP HSĐXTC SỬA ĐỔI", "BẢN GỐC HSĐXKT THAY THẾ", "BẢN CHỤP HSĐXKT THAY THẾ", "BẢN GỐC HSĐXTC THAY THẾ", "BẢN CHỤP HSĐXTC THAY THẾ". 19.2. Nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà đầu tư thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà đầu tư thì HSDT của nhà đầu tư đó bị loại. 19.3. Bản gốc của HSĐXKT, HSĐXTC phải được đánh máy hoặc viết bằng mực không phai, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự thầu, các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT (nếu có) và các biểu mẫu khác được lập theo quy định tại Chương IV – Biểu mẫu dự thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư (người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền) ký tên và đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền phải có giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 tại Chương IV – Biểu mẫu dự thầu hoặc bản chụp Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh hoặc các tài liệu khác chứng minh thẩm quyền của người được ủy quyền và được nộp cùng với HSĐXKT, HSĐXTC. 19.4. Trường hợp là nhà đầu tư liên danh thì các nội dung của HSDT nêu tại Mục 19.3 CDNĐT phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà đầu tư liên danh theo thỏa thuận liên danh. Văn bản thỏa thuận liên danh phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên trong liên danh.

	19.5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự thầu.
20. Niêm phong và ghi bên ngoài HSDT	20.1. Túi đựng HSĐXKT bao gồm bản gốc và các bản chụp HSĐXKT, bên ngoài phải ghi rõ "HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT". Túi đựng HSĐXTC bao gồm bản gốc và các bản chụp HSĐXTC, bên ngoài phải ghi rõ "HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH". Trường hợp nhà đầu tư có sửa đổi, thay thế HSĐXKT, HSĐXTC thì hồ sơ sửa đổi, thay thế (bao gồm bản gốc và các bản chụp) phải được đựng trong các túi riêng biệt với túi đựng HSĐXKT và túi đựng HSĐXTC, bên ngoài phải ghi rõ "HSĐXKT SỬA ĐỔI", "HSĐXKT THAY THẾ", "HSĐXTC SỬA ĐỔI", "HSĐXTC THAY THẾ". Các túi đựng: HSĐXKT, HSĐXTC, HSĐXKT sửa đổi, HSĐXTC sửa đổi, HSĐXKT thay thế, HSĐXTC thay thế phải được niêm phong. Cách niêm phong theo quy định riêng của nhà đầu tư. 20.2. Trên túi đựng hồ sơ phải ghi đầy đủ các thông tin: a) Tên và địa chỉ của nhà đầu tư; b) Tên người nhận là tên Bên mời thầu theo quy định tại Mục 1.1 CDNĐT; c) Tên dự án theo quy định tại Mục 1.4 CDNĐT; d) Ghi dòng chữ cảnh báo: "không được mở trước thời điểm mở HSĐXKT" đối với túi đựng HSĐXKT và túi đựng HSĐXKT sửa đổi, HSĐXKT thay thế (nếu có); "không được mở trước thời điểm mở HSĐXTC" đối với túi đựng HSĐXTC và túi đựng HSĐXTC sửa đổi, HSĐXTC thay thế (nếu có). 20.3. Trong trường hợp HSDT gồm nhiều tài liệu, nhà đầu tư cần thực hiện việc đóng gói toàn bộ tài liệu sao cho việc tiếp nhận và bảo quản HSDT của Bên mời thầu được thuận tiện, đảm bảo sự toàn vẹn của HSDT, tránh thất lạc, mất mát. 20.4. Nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm về hậu quả

	hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định của HSMT này như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDT trong quá trình chuyển đến Bên mời thầu, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSDT theo hướng dẫn quy định tại các Mục 20.1 và 20.2 CDNĐT. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSDT nếu nhà đầu tư không thực hiện đúng quy định nêu trên.
21. Thời điểm đóng thầu	21.1. Nhà đầu tư nộp trực tiếp hoặc gửi HSDT đến địa chỉ của Bên mời thầu theo quy định tại Mục 1.1 CDNĐT nhưng phải đảm bảo Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu quy định tại **BDL**. Bên mời thầu tiếp nhận HSDT của tất cả nhà đầu tư nộp HSDT trước thời điểm đóng thầu, kể cả trường hợp nhà đầu tư tham dự thầu chưa mua hoặc chưa nhận HSMT trực tiếp từ Bên mời thầu. Trường hợp chưa mua HSMT thì nhà đầu tư phải trả cho Bên mời thầu khoản tiền bằng giá bán HSMT nêu tại **BDL** trước khi HSDT được tiếp nhận. 21.2. Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu khi sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNĐT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Bên mời thầu và nhà đầu tư theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn. 21.3. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, Bên mời thầu sẽ thông báo bằng văn bản cho các nhà đầu tư đã nhận HSMT hoặc đã nộp HSDT. Khi thông báo, Bên mời thầu sẽ ghi rõ thời điểm đóng thầu mới được gia hạn để nhà đầu tư có đủ thời gian sửa đổi hoặc bổ sung HSDT theo yêu cầu mới. Nhà đầu tư đã nộp HSDT có thể nhận lại để sửa đổi, bổ sung HSDT của mình. Trường hợp nhà đầu tư chưa nhận lại hoặc không nhận lại HSDT thì Bên mời thầu quản lý HSDT đó theo chế độ quản lý hồ sơ "mật".
22. HSDT nộp muộn	Bên mời thầu sẽ không xem xét bất kỳ HSDT nào được nộp sau thời điểm đóng thầu. Bất kỳ HSDT nào mà Bên mời thầu nhận được sau thời điểm đóng thầu sẽ bị tuyên bố là HSDT nộp muộn, bị loại và được trả lại

	nguyên trạng cho nhà đầu tư.
23. Sửa đổi, thay thế và rút HSDT	23.1. Sau khi nộp HSDT, nhà đầu tư có thể sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDT bằng cách gửi văn bản đề nghị có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà đầu tư, trường hợp ủy quyền thì phải gửi kèm giấy ủy quyền theo quy định tại Mục 11.2 và 11.3 CDNĐT. 23.2. Hồ sơ sửa đổi hoặc thay thế HSDT phải được gửi kèm với văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế và phải bảo đảm các điều kiện sau: a) Được nhà đầu tư chuẩn bị và nộp cho Bên mời thầu theo quy định tại Mục 19 và Mục 20 CDNĐT, trên túi đựng văn bản đề nghị phải ghi rõ "SỬA ĐỔI HSDT" hoặc "THAY THẾ HSDT"; b) Được Bên mời thầu tiếp nhận trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 21 CDNĐT. 23.3. Văn bản đề nghị rút HSDT phải đảm bảo các điều kiện sau: a) Trên túi đựng văn bản đề nghị phải ghi rõ "RÚT HSDT"; b) Được Bên mời thầu tiếp nhận trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 21 CDNĐT. HSDT mà nhà đầu tư yêu cầu rút sẽ được trả lại cho nhà đầu tư theo nguyên trạng. 23.4. Bên mời thầu chỉ chấp nhận việc sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDT của nhà đầu tư nếu nhận được văn bản đề nghị trước thời điểm đóng thầu.
24. Bảo mật	24.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá HSDT phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà đầu tư hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà đầu tư cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSDT của nhà đầu tư này cho nhà đầu tư khác, trừ thông tin được công khai khi mở HSDT. 24.2. Trừ trường hợp làm rõ HSDT theo quy định tại Mục 25 CDNĐT và đàm phán sơ bộ hợp đồng theo quy định tại Mục 35 CDNĐT, nhà đầu tư không được phép tiếp xúc với Bên mời thầu về các vấn đề liên quan

	đến HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến dự án trong suốt thời gian từ khi mở HSDT cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư.
25. Làm rõ HSDT	25.1. Trường hợp sau khi đóng thầu, nếu nhà đầu tư phát hiện HSDT thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm thì nhà đầu tư (trường hợp được chấp nhận thay đổi tư cách) được phép gửi tài liệu đến Bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ của mình. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà đầu tư để xem xét, đánh giá; các tài liệu bổ sung, làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm được coi như một phần của HSDT. Bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư về việc đã nhận được các tài liệu bổ sung làm rõ của nhà đầu tư bằng một trong những cách sau: gửi trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail. 25.2. Sau khi mở HSĐXKT, HSĐXTC, nhà đầu tư có trách nhiệm làm rõ HSĐXKT, HSĐXTC theo yêu cầu của Bên mời thầu. Tất cả yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu và phản hồi của nhà đầu tư phải được thực hiện bằng văn bản theo một trong những cách sau: gửi trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail. Việc làm rõ chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà đầu tư có HSDT cần phải làm rõ. Tài liệu làm rõ HSDT được Bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDT. 25.3. Việc làm rõ HSDT chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà đầu tư có HSDT cần phải làm rõ và phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT đã nộp, không thay đổi bản chất của nhà đầu tư tham dự thầu. Trong văn bản yêu cầu làm rõ phải quy định thời hạn làm rõ của nhà đầu tư theo quy định tại **BDL**. Nội dung làm rõ HSDT được Bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDT. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà đầu tư không có văn bản làm rõ hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá HSDT của nhà đầu tư

	theo HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu.
26. Các đối tác có liên quan	Nhà đầu tư phải kê khai các đối tác dự kiến cùng tham gia thực hiện dự án theo Mẫu số 06 tại Chương IV – Biểu mẫu dự thầu.
27. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung	Các định nghĩa sau đây sẽ được áp dụng cho quá trình đánh giá HSDT: 27.1. "Sai khác" là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong HSMT; 27.2. "Đặt điều kiện" là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong HSMT; 27.3. "Bỏ sót nội dung" là việc nhà đầu tư không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong HSMT.
28. Xác định tính đáp ứng của HSDT	28.1. Bên mời thầu sẽ xác định tính đáp ứng của HSDT dựa trên nội dung của HSDT theo quy định tại Mục 10 CDNĐT. 28.2. HSDT đáp ứng cơ bản là HSDT đáp ứng các yêu cầu cơ bản nêu trong HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản là những điểm trong HSDT mà: a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay hiệu quả thực hiện dự án được quy định trong hợp đồng; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với HSMT về quyền hạn của Người có thẩm quyền hoặc nghĩa vụ của nhà đầu tư trong hợp đồng; b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà đầu tư khác có HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT. 28.3. Bên mời thầu phải kiểm tra các nội dung về mặt kỹ thuật của HSDT theo Mục 13 CDNĐT và việc kiểm tra đề xuất kỹ thuật nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu nêu trong Phần 2 – Yêu cầu về trách nhiệm của nhà đầu tư đã được đáp ứng và HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót các nội dung cơ bản. 28.4. Nếu HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu

	nêu trong HSMT thì HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT đó nhằm làm cho HSDT trở thành đáp ứng cơ bản HSMT.
29. Sai sót không nghiêm trọng	29.1. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT thì Bên mời thầu có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT. 29.2. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản HSMT, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà đầu tư cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong một thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ khía cạnh nào của đề xuất về tài chính của nhà đầu tư; nếu không đáp ứng yêu cầu nói trên của Bên mời thầu thì HSDT của nhà đầu tư có thể sẽ bị loại. 29.3. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản HSMT, Bên mời thầu sẽ điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến đề xuất tài chính của nhà đầu tư. Theo đó, đề xuất tài chính của nhà đầu tư sẽ được điều chỉnh cho các hạng mục sai khác so với yêu cầu của HSMT theo quy định tại Mục 33.2 CDNĐT.
30. Mở HSĐXKT	30.1. Ngoại trừ các trường hợp HSDT nộp muộn theo quy định tại Mục 22 và HSDT mà nhà đầu tư yêu cầu rút theo quy định tại Mục 23.3 CDNĐT, Bên mời thầu phải mở công khai và đọc rõ các thông tin theo điểm b Mục 30.2 CDNĐT của tất cả HSĐXKT thuộc HSDT đã nhận được trước thời điểm đóng thầu. Việc mở HSĐXKT phải được tiến hành công khai theo thời gian và địa điểm quy định tại **BDL** trước sự chứng kiến đại diện của các nhà đầu tư tham dự lễ mở HSĐXKT và đại diện của các cơ quan, tổ chức có liên quan. Việc mở HSĐXKT không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà đầu tư tham dự thầu. Chỉ có các HSĐXKT được mở và đọc trong lễ mở thầu mới

	được tiếp tục xem xét và đánh giá. 30.2. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDT theo thứ tự chữ cái tên của nhà đầu tư và theo trình tự sau đây: a) Kiểm tra niêm phong; b) Mở bản gốc HSĐXKT, HSĐXKT sửa đổi (nếu có) hoặc HSĐXKT thay thế (nếu có) và đọc to, rõ những thông tin sau: tên nhà đầu tư, số lượng bản gốc, bản chụp HSĐXKT, thời gian có hiệu lực của HSĐXKT, thời gian thực hiện hợp đồng, giá trị, hiệu lực của bảo đảm dự thầu và các thông tin khác mà Bên mời thầu thấy cần thiết; c) Đại diện của Bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu thuộc HSĐXKT, giấy uỷ quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư (nếu có), thoả thuận liên danh (nếu có), bảo đảm dự thầu. Bên mời thầu không được loại bỏ bất kỳ HSDT nào khi mở thầu, trừ các HSDT nộp muộn theo quy định tại Mục 22 CDNĐT. 30.3. Đối với trường hợp xin rút HSDT: Bên mời thầu sẽ mở và đọc to, rõ các thông tin trong túi đựng văn bản đề nghị rút HSDT bên ngoài có ghi chữ "RÚT HSDT", túi đựng HSDT của nhà đầu tư có đề nghị rút HSDT (bao gồm HSĐXKT và HSĐXTC) sẽ được giữ nguyên niêm phong và trả lại nguyên trạng cho nhà đầu tư. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà đầu tư rút HSDT và vẫn mở HSDT tương ứng nếu văn bản đề nghị "RÚT HSDT" không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà đầu tư và phải được công khai trong lễ mở thầu. 30.4. Đối với trường hợp sửa đổi HSĐXKT Bên mời thầu sẽ tiến hành mở túi đựng văn bản đề nghị "SỬA ĐỔI HSĐXKT", văn bản này sẽ được mở và đọc to, rõ cùng với các HSĐXKT sửa đổi tương ứng trước khi mở HSĐXKT ban đầu của nhà đầu tư. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà đầu tư sửa đổi HSĐXKT nếu văn bản đề nghị sửa đổi HSĐXKT không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản

	đó là đại diện hợp pháp của nhà đầu tư. 30.5. Đối với trường hợp thay thế HSĐXKT Bên mời thầu sẽ mở và đọc to, rõ thông tin trong túi đựng văn bản đề nghị bên ngoài có ghi chữ "THAY THẾ HSĐXKT" và HSĐXKT thay thế này sẽ được thay cho HSĐXKT bị thay thế. HSĐXKT bị thay thế sẽ không được mở và được trả lại nguyên trạng cho nhà đầu tư. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà đầu tư thay thế HSĐXKT nếu văn bản đề nghị thay thế HSĐXKT không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà đầu tư và phải được công khai trong lễ mở thầu. 30.6. Bên mời thầu phải lập biên bản mở thầu trong đó bao gồm các thông tin quy định tại Mục 30.2 CDNĐT. Đại diện của các nhà đầu tư tham dự lễ mở thầu sẽ được yêu cầu ký vào biên bản. Việc thiếu chữ ký của nhà đầu tư trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở thầu sẽ được gửi đến tất cả các nhà đầu tư tham dự thầu.
31. Đánh giá HSĐXKT	31.1. Đánh giá HSĐXKT theo quy trình, phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Chương III – Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu. 31.2. Danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật sẽ được phê duyệt bằng văn bản. Bên mời thầu sẽ thông báo bằng văn bản danh sách các nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật (bao gồm tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà đầu tư) đến tất cả các nhà đầu tư tham dự thầu, trong đó mời các nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật đến mở hồ sơ đề xuất về tài chính, kèm theo thời gian, địa điểm mở HSĐXTC.
32. Mở HSĐXTC	32.1. Việc mở HSĐXTC được tiến hành công khai theo thời gian và tại địa điểm nêu trong văn bản thông báo danh sách các nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, trước sự chứng kiến của đại diện các nhà đầu tư tham dự lễ mở HSĐXTC và đại diện của các cơ quan, tổ chức có liên quan. Bên mời thầu phải mở công khai và đọc rõ các thông tin theo điểm b Mục 32.4 CDNĐT của tất cả HSĐXTC của các nhà đầu tư đáp ứng yêu

	cầu về kỹ thuật. Việc mở HSĐXTC không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật. Chỉ có các HSĐXTC được mở và đọc tại buổi mở HSĐXTC mới được tiếp tục xem xét và đánh giá. 32.2. Tại lễ mở HSĐXTC, Bên mời thầu công khai văn bản phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, sau đó tiến hành kiểm tra niêm phong của túi hồ sơ bên ngoài đề "HSĐXTC", "HSĐXTC SỬA ĐỔI" hoặc "HSĐXTC THAY THẾ". 32.3. Trường hợp nhà đầu tư có đề nghị thay thế HSĐXTC, Bên mời thầu sẽ mở và đọc to, rõ thông tin của túi đựng văn bản đề nghị bên ngoài có ghi chữ "THAY THẾ HSĐXTC"; HSĐXTC sẽ được thay bằng HSĐXTC thay thế tương ứng; túi đựng HSĐXTC ban đầu sẽ được giữ nguyên niêm phong và được trả lại nguyên trạng cho nhà đầu tư. HSĐXTC sẽ không được thay thế nếu văn bản đề nghị thay thế HSĐXTC không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà đầu tư. Đối với các túi đựng văn bản đề nghị "SỬA ĐỔI HSĐXTC" thì văn bản này sẽ được mở và đọc to, rõ cùng với các HSĐXTC sửa đổi tương ứng. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà đầu tư sửa đổi HSĐXTC nếu văn bản đề nghị sửa đổi HSĐXTC không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà đầu tư. 32.4. Việc mở HSĐXTC được thực hiện đối với từng HSĐXTC theo thứ tự chữ cái tên của nhà đầu tư có tên trong danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và theo trình tự sau đây: a) Kiểm tra niêm phong; b) Mở hồ sơ và đọc rõ các thông tin về: Tên nhà đầu tư; số lượng bản gốc, bản chụp HSĐXTC; đơn dự thầu thuộc HSĐXTC; thời gian có hiệu lực của HSĐXTC; tổng chi phí thực hiện dự án (không bao gồm chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng) do nhà đầu tư đề xuất (M_1), giá trị bồi thường, giải phóng mặt bằng do nhà đầu tư đề xuất (M_2), giá trị nộp ngân sách nhà

	nước (M_3); giá trị đề xuất tăng phần nộp ngân sách nhà nước (nếu có); điểm kỹ thuật của các HSDT được đánh giá đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, các thông tin khác liên quan. 32.5. Bên mời thầu phải lập biên bản mở HSĐXTC trong đó bao gồm các thông tin quy định tại các Mục 32.2, 32.3 và 32.4 CDNĐT. Đại diện của các nhà đầu tư tham dự lễ mở HSĐXTC sẽ được yêu cầu ký vào biên bản. Việc thiếu chữ ký nhà đầu tư trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở HSĐXTC sẽ được gửi đến tất cả các nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.
33. Sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch	33.1. Sửa lỗi là việc sửa lại những sai sót trong HSDT bao gồm lỗi số học, lỗi nhầm đơn vị; khác biệt giữa những nội dung thuộc đề xuất về kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất về tài chính và các lỗi khác. Việc sửa lỗi được thực hiện theo quy định tại **BDL**. 33.2. Hiệu chỉnh sai lệch là việc điều chỉnh những nội dung thiếu hoặc thừa không nghiêm trọng trong HSDT so với yêu cầu của HSMT. Các nội dung hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại **BDL** trên cơ sở bảo đảm công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế. Các nội dung được hiệu chỉnh phải đảm bảo nguyên tắc không phải là các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản theo quy định tại Mục 28.2 CDNĐT. Việc hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện chỉ hoàn toàn nhằm mục đích so sánh các HSDT. 33.3 Sau khi phát hiện lỗi, sai lệch, Bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư biết về lỗi, sai lệch và việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch nội dung đó. Trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Bên mời thầu, nhà đầu tư phải có ý kiến bằng văn bản gửi Bên mời thầu về các nội dung sau đây: a) Chấp thuận hay không chấp thuận kết quả sửa lỗi. Trường hợp nhà đầu tư không chấp thuận kết quả sửa lỗi thì HSDT của nhà đầu tư đó sẽ bị loại; b) Nêu ý kiến của mình về kết quả hiệu chỉnh sai lệch. Trường hợp nhà đầu tư không chấp thuận kết quả hiệu

	chỉnh sai lệch thì phải nêu rõ lý do để Bên mời thầu xem xét, quyết định.
34. Đánh giá HSĐXTC và xếp hạng nhà đầu tư	34.1. Đánh giá HSĐXTC theo quy trình, phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Chương III – Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu. 34.2. Sau khi đánh giá HSĐXTC, Bên mời thầu lập danh sách xếp hạng nhà đầu tư. Nhà đầu tư có giá đề xuất (A) không thấp hơn giá sàn, giá trị bồi thường, giải phóng mặt bằng (M_2) không thấp hơn m_2, hiệu quả đầu tư (B) lớn nhất được xếp thứ nhất.
35. Đàm phán sơ bộ hợp đồng	35.1. Nhà đầu tư xếp hạng thứ nhất được mời đến đàm phán sơ bộ hợp đồng. Trường hợp nhà đầu tư được mời đến đàm phán sơ bộ hợp đồng nhưng không đến hoặc từ chối đàm phán sơ bộ hợp đồng thì nhà đầu tư sẽ không được nhận lại bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm d Mục 17.6 CDNĐT. 35.2. Việc đàm phán sơ bộ hợp đồng phải dựa trên cơ sở sau đây: a) Báo cáo đánh giá HSDT; b) HSDT và các tài liệu làm rõ hồ sơ dự thầu (nếu có) của nhà đầu tư; c) HSMT. 35.3. Nguyên tắc đàm phán sơ bộ hợp đồng: a) Không tiến hành đàm phán sơ bộ đối với các nội dung mà nhà đầu tư đã chào thầu theo đúng yêu cầu của HSMT; b) Việc đàm phán sơ bộ hợp đồng không được làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT. 35.4. Nội dung đàm phán sơ bộ hợp đồng: a) Đàm phán sơ bộ về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSMT và HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong HSDT có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng; b) Đàm phán sơ bộ về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn

	thiện các nội dung chi tiết của dự án trong đó có việc đảm bảo đáp ứng các điều kiện và thực hiện các thủ tục theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, kinh doanh bất động sản hoặc các lĩnh vực có liên quan khác; c) Đàm phán về các nội dung cần thiết khác. 35.5. Trong quá trình đàm phán sơ bộ hợp đồng, các bên tham gia tiến hành hoàn thiện dự thảo hợp đồng. 35.6. Trường hợp đàm phán sơ bộ hợp đồng với nhà đầu tư xếp hạng thứ nhất không thành công, Bên mời thầu báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định mời nhà đầu tư xếp hạng tiếp theo vào đàm phán sơ bộ hợp đồng. Trường hợp đàm phán sơ bộ với các nhà đầu tư xếp hạng tiếp theo không thành công thì Bên mời thầu báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định.
36. Nguyên tắc xét duyệt trúng thầu	Nhà đầu tư được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: 36.1. Có HSDT hợp lệ; 36.2. Đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm; 36.3. Đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật; 36.4. Có giá đề xuất (A) không thấp hơn giá sàn được duyệt trong HSMT, giá trị bồi thường, giải phóng mặt bằng (M_2) không thấp hơn m_2 và có hiệu quả đầu tư (B) lớn nhất.
37. Hủy thầu	37.1. Bên mời thầu sẽ thông báo hủy thầu trong trường hợp sau đây: a) Tất cả HSDT không đáp ứng được các yêu cầu nêu trong HSMT; b) Thay đổi mục tiêu, phạm vi đầu tư đã ghi trong HSMT; c) HSMT không tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà đầu tư được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện dự án; d) Có bằng chứng về việc đưa, nhận, môi giới hối lộ, thông thầu, gian lận, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để

(Xem tiếp Công báo số 83 + 84)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng